CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu Phường Đakao, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 - 06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	07 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	11 - 11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	12 - 13
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	14 - 74

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo cả (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Công ty

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu Tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0400101965 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 24/06/2010; Đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 09 tháng 09 năm 2020.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2020 là: **2.673.840.900.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: 27 Bùi Chát, Hòa Khánh Bắc, Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng, Việt Nam

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ: Quản lý, khai thác, bảo trì hầm đường bộ Hải Vân; Hầm đường bộ Đèo cả, Cổ Mã, Hầm đường bộ Cù Mông, Hầm đường bộ Phước Tượng Phú Gia; quản lý, khai thác, duy tu bảo dưỡng các tuyến đường quốc lộ được giao. Đảm bảo giao thông khi có thiên tai địch họa xảy ra trên địa bàn được giao. Dịch vụ thu phí cầu đường; Vận tải hành khách đường bộ khác: Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, gồm: Chuyên chở mô tô, xe máy, xe đạp cùng người điều khiển phương tiện đó và người đi bộ qua hầm đường bộ bằng phương tiện chuyên dùng, kinh doanh vận tải khách bằng xe buýt; Xây dựng nhà các loại; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Sữa chữa các sản phẩm đúc sẵn; Sữa chữa máy móc thiết bị; Sửa chữa thiết bị điện; Sửa chữa thiết bị khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Lắp đặt hệ thống điện;

Xây dựng công trình công ích; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Lập trình máy vi tính; Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bốc xếp hàng hóa; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Hoạt động tư vấn quản lý; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức du lịch; Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại; Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế;

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty con: 03 Công ty

Tên Công ty	*Tỷ lệ lợi ích*	*Tỷ lệ biểu quyết*	*Vốn đầu tư (VND)*
- Công ty Cổ Phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	65,58%	65,58%	902.303.650.000
- Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả	70,36%	70,36%	1.439.831.250.000
- Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	99,47%	99,47%	272.331.000.000

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty liên doanh, liên kết: 03 Công ty

Tên Công ty	*Tỷ lệ lợi ích*	*Tỷ lệ biểu quyết*	*Vốn đầu tư (VND)*
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	21,95%	21,95%	13.500.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	47,04%	50,00%	122.000.000.000
- Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	29,25%	29,25%	124.000.000.000

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên Công ty	*Địa chỉ*
+ Xí Nghiệp Thi Công Xây Lắp Công Trình	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
+ Xí Nghiệp Sản Xuất Dịch Vụ Thương Mại Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
+ Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
+ Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Đèo Cả	Thôn Hảo Sơn, Xã Hòa Xuân Nam, Huyện Đông Hoà, Phú Yên.
+ Xí nghiệp Quản lý, vận hành hầm đường bộ Cù Mông	Thôn Long Thạch, Xã Xuân Lộc, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên
+ Xí nghiệp Quản lý, vận hành đường cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn	Km81+140, Tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, Xã Hồ Sơn, Huyện Hữu Lũng, Tỉnh Lạng Sơn

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2020 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2020 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Họ tên		Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông:	Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch	08-08-2019	
Ông:	Nguyễn Tấn Đông	Phó chủ tịch	08-08-2019	
Ông:	Nguyễn Xuân Hưởng	Phó chủ tịch	05-05-2017	17-06-2020
Ông:	Trần Văn Thế	Phó chủ tịch	05-04-2019	
Ông:	Đỗ Văn Nam	Chủ tịch	16-11-2017	08-08-2019
Ông:	Đỗ Văn Nam	Thành viên	08-08-2019	

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:(tiếp theo)

Họ tên		Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông:	Đỗ Văn Nam	Thành viên	08-08-2019	17-06-2020
Ông:	Lưu Bá Hợp	Thành viên	05-05-2017	05-04-2019
Ông:	Võ Thụy Linh	Thành viên	21-07-2015	
Ông:	Nguyễn Đình Chính	Thành viên độc lập	26-09-2016	17-06-2020
Ông:	Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên	12-08-2016	05-04-2019
Ông:	Hoàng Văn Hải	Thành viên độc lập	17-06-2020	
Ông:	Nguyễn Thanh Trang	Thành viên	17-06-2020	
Ong:	Trần Chủng	Thành viên	17-06-2020	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông:	Võ Thụy Linh	Tổng Giám đốc	10-01-2020	21-12-2020
Ông:	Nguyễn Xuân Hưởng	Tổng giám đốc		10-01-2020
Ông:	Nguyễn Xuân Hưởng	Phó Tổng giám đốc	10-01-2020	17-06-2020
Ông:	Nguyễn Quang Hưng	Phó Tổng giám đốc	23-01-2017	17-04-2019
Ông:	Võ Cảnh Tỉnh	Phó Tổng giám đốc	01-04-2019	14-11-2019
Ông:	Võ Ngọc Trung	Phó Tổng giám đốc	01-04-2019	17-06-2020
Ông :	Võ Ngọc Trung	Phó Tổng giám đốc	10-12-2020	
Ông:	Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng giám đốc	08-05-2019	24-5-2019
Ông:	Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng giám đốc	17-06-2020	21-12-2020
Ông:	Phạm Quốc Vượng	Phó Tổng giám đốc	24-05-2019	01-06-2020
Ông:	Lê Hồng Vũ	Phó Tổng giám đốc	17-06-2020	01-09-2020
Ông:	Nguyễn Quang Huy	Tổng Giám đốc	21-12-2020	
Ông:	Trần Văn Dũng	Phó Tổng giám đốc	14-01-2021	
Ông:	Lê Thanh Tuấn	Phó Tổng giám đốc	09-01-2020	30-03-2021
Bà	Nguyễn Quỳnh Mai	Phó Tổng giám đốc	30-03-2021	
Ông:	Lê Châu Thắng	Phó Tổng giám đốc	15-10-2019	
Bà	Phạm Thị Huyền Trang	Phó Tổng giám đốc	10-01-2020	01-06-2020

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông:	Nguyễn Minh Giang	Trưởng ban	16-04-2018	
Ông:	Phạm Lê Huy	Thành viên	16-04-2018	17-06-2020
Ông:	Lưu Tuấn Vũ	Thành viên	16-04-2018	17-06-2020
Ông:	Đỗ Thế Vinh	Thanh viên	17-06-2020	26-04-2021
Bà	Cam Thị Minh Hải	Thành viên	17-06-2020	
Bà	Phan Thị Mai	Thành viên	27-04-2021	

Đại diện theo pháp luật:

Ông:	Võ Thụy Linh	Tổng Giám đốc	10-01-2020	21-12-2020
Ông:	Nguyễn Xuân Hưởng	Tổng Giám đốc	20-10-2017	09-01-2020
Ông:	Nguyễn Quang Huy	Tổng Giám đốc	21-12-2020	

Kế toán trưởng:

Ông:	An Văn Thiện		05-04-2019	17-06-2020
Ông:	Nguyễn Văn Ân			05-04-2019
Ông:	Nguyễn Văn Ân		17-06-2020	

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo cả phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty .

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 07 năm 2021

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

M.S.D.N: 0400101965 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ
Q. LIÊN CHIỂU - TP. ĐÀ NẴNG

NGUYỄN QUANG HUY

Số: 476 /BCKT/TC/2021/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu Tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, được lập ngày 02 tháng 07 năm 2021 từ trang 07 đến trang 74, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán này được phát hành lại thay thế cho báo cáo kiểm toán số 394/BCKT/TC/2021/AASCS ngày 20/04/2021 về việc kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Công ty cổ phần Đầu Tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả theo văn bản yêu cầu số 257/2021CVDII ngày 02/07/2021 của công ty về việc yêu cầu phát hành lại báo cáo kiểm toán hợp nhất cho năm tài chính 2020 đã phát hành. Báo cáo số 394/BCKT/TC/2021/AASCS ngày 20/04/2021 không còn giá trị, việc sử dụng báo cáo kiểm toán số 394/BCKT/TC/2021/AASCS ngày 20/04/2021 dưới bất kỳ hình thức nào sẽ thuộc trách nhiệm của đơn vị.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 7 năm 2021

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Phó Tổng Giám đốc

ĐINH THẾ ĐƯỜNG

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0342-2018-142-1

Kiểm toán viên

ĐẶNG TÙNG HƯNG

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 3611-2021-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**1.443.804.463.663**	**2.030.904.877.639**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**V.01**	**276.956.612.840**	**812.490.759.442**
111	1. Tiền		128.712.099.958	60.401.269.340
112	2. Các khoản tương đương tiền		148.244.512.882	752.089.490.102
120	**II. Đầu tư tài chính ngắn hạn**			
121	1. Chứng khoán kinh doanh			
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)			
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**394.742.869.439**	**896.102.136.303**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.03	41.264.674.059	42.930.027.808
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.04	110.415.227.458	513.334.233.860
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn			
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.05	256.435.369.153	353.152.275.866
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.06	(13.372.401.231)	(13.314.401.231)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý			
140	**IV. Hàng tồn kho**		**72.723.163.771**	**107.261.206.011**
141	1. Hàng tồn kho	V.07	72.723.163.771	107.261.206.011
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**699.381.817.613**	**215.050.775.883**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.11	444.579.720.735	21.082.750.219
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		252.379.324.977	192.288.843.378
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.16	2.412.200.279	1.679.182.286
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
155	5. Tài sản ngắn hạn khác		10.571.622	

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**30.973.077.606.383**	**27.973.183.247.765**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**		**429.411.877.796**	**154.505.531.462**
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn	V.04	256.576.072.558	62.378.709.484
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn			
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn			
216	6. Phải thu dài hạn khác	V.05	172.835.805.238	92.126.821.978
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
220	**II. Tài sản cố định**		**23.692.263.507.949**	**14.157.959.166.079**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.09	23.691.330.061.226	14.156.931.511.088
222	- Nguyên giá		24.863.147.093.911	15.127.648.414.415
223	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		(1.171.817.032.685)	(970.716.903.327)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính			
225	- Nguyên giá			
226	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)			
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.10	933.446.723	1.027.654.991
228	- Nguyên giá		1.386.196.956	1.386.196.956
229	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		(452.750.233)	(358.541.965)
230	**III. Bất động sản đầu tư**			
231	- Nguyên giá			
232	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)			
240	**IV. Tài sản dở dang dài hạn**	**V.08**	**5.474.686.863.072**	**13.233.844.564.308**
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn			
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		5.474.686.863.072	13.233.844.564.308
250	**V. Đầu tư tài chính dài hạn**		**456.987.446.758**	**376.232.381.816**
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	V.02	439.987.446.758	359.232.381.816
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)			
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.02	17.000.000.000	17.000.000.000
260	**VI. Tài sản dài hạn khác**		**919.727.910.808**	**50.641.604.100**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.11	895.915.895.373	26.705.049.286
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		2.330.491.884	
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			
268	4. Tài sản dài hạn khác			
269	5. Lợi thế thương mại		21.481.523.551	23.936.554.814
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**32.416.882.070.046**	**30.004.088.125.404**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
300	**C . NỢ PHẢI TRẢ**		**25.032.427.964.869**	**23.020.524.440.921**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**3.576.984.540.979**	**2.688.827.818.299**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.13	1.066.861.291.201	1.097.329.726.551
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.14	108.803.239.940	13.671.606.067
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.15	16.027.112.439	7.984.147.146
314	4. Phải trả người lao động		15.131.354.050	12.777.915.177
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.16	1.067.457.417.597	179.052.776.706
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn			
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn			
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.17	959.803.534.225	1.239.493.642.697
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.12	341.156.294.808	137.406.331.880
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.744.296.719	1.111.672.075
323	13. Quỹ bình ổn giá			
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
330	**II. Nợ dài hạn**		**21.455.443.423.890**	**20.331.696.622.622**
331	1. Phải trả người bán dài hạn	V.13	424.405.555.795	
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn			
333	3. Chi phí phải trả dài hạn			
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn			
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn			
337	7. Phải trả dài hạn khác		123.423.822.378	
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.12	20.744.456.507.724	20.167.288.761.854
339	9. Trái phiếu chuyển đổi			
340	10. Cổ phiếu ưu đãi			
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		163.157.537.993	164.407.860.768
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn			
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
400	**D . VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**V.18**	**7.384.454.105.177**	**6.983.563.684.483**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**		**4.112.681.792.375**	**3.530.638.916.999**
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		2.673.840.900.000	2.270.090.900.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*2.673.840.900.000*	*2.270.090.900.000*
411b	*- Cổ phiếu ưu đãi*			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(208.000.000)	
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu			
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu			
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)			
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		4.851.321.687	3.200.097.043
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		287.678.877.300	209.068.996.126
421a	*- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*		*188.643.168.723*	*7.656.212.035*
421b	*- LNST chưa phân phối kỳ này*		*99.035.708.577*	*201.412.784.091*
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
429	13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		1.146.518.693.388	1.048.278.923.830
430	**II. Nguồn kinh phí và quỹ khác**		**3.271.772.312.802**	**3.452.924.767.484**
431	1. Nguồn kinh phí			
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		3.271.772.312.802	3.452.924.767.484
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**32.416.882.070.046**	**30.004.088.125.404**

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 07 năm 2021

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
NGUYỄN THIÊN HOÀNG	NGUYỄN VĂN ÂN	NGUYỄN QUANG HUY

M.S.D.N: 0400101965 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ
Q. LIÊN CHIỂU - TP. ĐÀ NẴNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**VI.01**	**1.202.532.597.940**	**477.098.025.466**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.02	1.189.110.727	
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**1.201.343.487.213**	**477.098.025.466**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	**VI.03**	**499.445.581.858**	**263.526.741.071**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**701.897.905.355**	**213.571.284.395**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.04	7.754.138.462	8.165.852.133
22	7. Chi phí tài chính	VI.05	480.298.079.400	247.129.676.579
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		480.298.079.400	247.129.676.579
	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh		50.755.064.942	5.909.835.033
24	8. Chi phí bán hàng			
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.05	101.735.107.247	58.119.760.452
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**178.373.922.112**	**(77.602.465.470)**
31	11. Thu nhập khác	VI.07	3.143.537.021	240.378.303.926
32	12. Chi phí khác	VI.08	3.881.228.751	4.694.486.035
40	**13. Lợi nhuận khác**		**(737.691.730)**	**235.683.817.891**
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**177.636.230.382**	**158.081.352.421**
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.10	4.601.890.606	2.473.947.351
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	VI.11	(2.529.999.418)	564.092.582
60	**17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**175.564.339.194**	**155.043.312.488**
	18. Lợi nhuận kế toán sau thuế của công ty mẹ		137.187.847.817	201.106.184.909
	19 Lợi ích kế toán sau thuế của cổ đông không kiểm soát		38.376.491.377	(46.062.872.421)
	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.11	469	8.330
	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.13	469	8.330

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 07 năm 2021

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
NGUYỄN THIÊN HOÀNG	NGUYỄN VĂN ÂN	NGUYỄN QUANG HUY

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	**1. Lợi nhuận trước thuế**		**177.636.230.382**	**158.081.352.421**
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		201.194.337.626	47.436.904.975
03	- Các khoản dự phòng		58.000.000	(1.261.690.343)
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ			
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(7.754.138.462)	(248.544.156.059)
06	- Chi phí lãi vay		480.298.079.400	247.129.676.579
07	- Các khoản điều chỉnh khác			
08	**3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**851.432.508.946**	**202.842.087.573**
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(319.204.023.140)	121.548.600.237
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		34.538.042.240	(30.047.999.807)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải		475.074.762.157	117.824.769.943
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		10.139.499.468	8.700.043.959
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh			
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.110.739.493.630)	(218.704.938.153)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.295.676.727)	(1.353.536.093)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.018.600.000)	(704.031.159)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**(62.072.980.686)**	**200.104.996.500**
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(1.319.639.376.739)	(784.896.775.618)
22	- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		3.446.686.485	38.477.737.480
23	- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn			(14.127.480.016)
24	- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			50.000.000.000
25	- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
26	- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		49.083.120.000	28.700.000.000
27	- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		12.730.695.540	8.165.852.133
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**(1.254.378.874.714)**	**(673.680.666.021)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			
32	- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	- Tiền thu từ đi vay		2.244.489.547.189	1.682.709.750.359
34	- Tiền trả nợ gốc vay		(1.463.571.838.391)	(389.512.667.252)
35	- Tiền trả nợ gốc thuê tài chính			
36	- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			(10.288.281.600)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**780.917.708.798**	**1.282.908.801.507**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ**		**(535.534.146.602)**	**809.333.131.986**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu kỳ**		**812.490.759.442**	**3.157.627.456**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
70	**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**		**276.956.612.840**	**812.490.759.442**

Ghi chú: Thông tin trình bày bổ sung các giao dịch góp vốn của chủ sở hữu không ảnh hưởng đến dòng tiền góp vốn trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng trong năm.

Ghi chú (*): Đây là khoản vốn góp tăng trong năm được Công ty thực hiện phát hành cổ phần riêng lẻ theo Nghị quyết 03/2020 NQ - ĐHCĐ của Đại hội đồng cổ đông công ty ngày 16/06/2020 về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ, Biên bản họp số 13/2020/BB-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 05/08/2020 và hợp đồng mua bán số 01/2020/HĐMBCP/DII giữa Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng giao thông Đèo Cả và Công ty cổ phần Đầu tư Hải Thạch BOT. Theo đó Công ty đã phát hành 40.375.000 cổ phiếu với giá trị 403.750.000.000 đồng để hoàn trả khoản nợ 403.750.000.000 đồng cho Công ty cổ phần Đầu tư Hải Thạch BOT.

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 07 năm 2021

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Tổng Giám đốc
NGUYỄN THIÊN HOÀNG	NGUYỄN VĂN ÂN	NGUYỄN QUANG HUY

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

I . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu Tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0400101965 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 24/06/2010; Đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 09 tháng 09 năm 2020.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2020 là: **2.673.840.900.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: 27 Bùi Chát, Hòa Khánh Bắc, Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng, Việt Nam

2 . Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, xây lắp.

3 . Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ: Quản lý, khai thác, bảo trì hầm đường bộ Hải Vân; Hầm đường bộ Đèo cả, Cổ Mã, Hầm đường bộ Cù Mông, Hầm đường bộ Phước Tượng Phú Gia; quản lý, khai thác, duy tu bảo dưỡng các tuyến đường quốc lộ được giao. Đảm bảo giao thông khi có thiên tai địch họa xảy ra trên địa bàn được giao. Dịch vụ thu phí cầu đường; Vận tải hành khách đường bộ khác: Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, gồm: Chuyên chở mô tô, xe máy, xe đạp cùng người điều khiển phương tiện đó và người đi bộ qua hầm đường bộ bằng phương tiện chuyên dùng, kinh doanh vận tải khách bằng xe buýt; Xây dựng nhà các loại; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Sữa chữa các sản phẩm đúc sẵn; Sữa chữa máy móc thiết bị; Sửa chữa thiết bị điện; Sửa chữa thiết bị khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Lắp đặt hệ thống điện;

Xây dựng công trình công ích; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Lập trình máy vi tính; Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bốc xếp hàng hóa; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Hoạt động tư vấn quản lý; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức du lịch; Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại; Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế;

4 . Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng

5 . Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách công ty con bao gồm:

- Tổng số các Công ty con	: 03
+ Số lượng Công ty con được hợp nhất	: 03
+ Số lượng Công ty con không được hợp nhất	: 0

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

- Danh sách các Công ty con được hợp nhất

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			31/12/2020	*01/01/2020*	*31/12/2020*	*01/01/2020*
1	Công ty Cổ Phần Bot Bắc Giang Lạng Sơn	Tầng 12-243A Đê La Thành -P.Láng Thượng - Q.Đống Đa -TP Hà Nội	65,58%	63,40%	65,58%	63,40%
2	Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả	32 Thạch Thị Thanh - P.Tân Định - Q1 - TP Hồ Chí Minh	70,36%	60,12%	70,36%	60,12%
3	Công ty cổ phần Phước tượng Phú gia BOT	Lô 4 BT1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam	99,47%	99,47%	99,47%	99,47%

- Danh sách công ty liên doanh, liên kết bao gồm:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			31/12/2020	*01/01/2020*	*31/12/2020*	*01/01/2020*
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Số 44 Trần Hưng Đạo, Phường 1, TP Tuy Hoà, Phú Yên	21,95%	21,95%	21,95%	21,95%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Tầng 20,số 109 Trần Hưng Đạo, P.Cửa Nam, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	47,04%	46,01%	50,00%	50,00%
3	Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	Tầng 20,số 109 Trần Hưng Đạo, P.Cửa Nam, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	29,25%	22,17%	29,25%	22,17%

Tóm tắt thông tin hoạt động của Công ty con

(1) Công ty Cổ Phần Bot Bắc Giang Lạng Sơn

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0106987957 ngày 11/09/2015; thay đổi lần thứ 11 ngày 28/07/2020, do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 110/BKHĐT-GNNĐKĐTTN cấp ngày 29/03/2016 về việc chấp thuận dự án đầu tư:

+ Dự án Đầu tư xây dựng công trình tuyến cao tốc Bắc Giang – Tp. Lạng Sơn đoạn KM45+100 – KM 108 + 500 kết hợp tăng cường mặt đường QL1 đoạn Km1 + 800 – Km 106 + 500, tỉnh Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn theo hình thức hợp đồng BOT.

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	12.188.665.000.000	VNĐ
+ Vốn chủ sở hữu:	1.645.470.000.000	VNĐ
+ Vốn vay	10.543.195.000.000	

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án

Dự án vẫn tiếp tục hoàn thành và đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.

Vốn chủ sở hữu góp đến ngày 31/12/2020:	1.375.836.000.000	VNĐ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

(2) Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0104567756 ngày 05 tháng 04 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Đến nay Công ty đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 21 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 12 năm 2020.

Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 47/BKHĐT-GCNĐKĐTTN/ĐC1 do Bộ KHĐT chứng nhận ngày 20/6/2017

+ Dự án Đầu tư xây dựng công trình hầm Cổ Mã và đường dẫn, hầm Đèo Cả, hầm Cù Mông tại tỉnh Phú Yên

Quyết định số 400/QĐ-BGTVT ngày 04/03/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh phương án tài chính Dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả (bao gồm Đèo Cả và hầm Cổ Mã, hầm Cù Mông và hầm Hải Vân);

Tổng mức đầu tư dự án theo Phụ lục 09 của Hợp đồng 26/HĐXD-DEOCA với Bộ Giao thông Vận tải ký ngày 13/03/2019 là 21.612 tỷ đồng. Đến 31/12/2020 Dự án vẫn tiếp tục hoàn thành quyết toán các Gói thầu còn lại và chi phí lãi vay tiếp tục được vốn hóa.

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	21.612.008.175.000	VNĐ
+ Vốn chủ sở hữu:	1.749.864.583.000	VNĐ
+ Vốn khác	1.438.432.378.000	VNĐ
+ Vốn vay	13.375.708.235.000	VNĐ
+ Vốn ngân sách Nhà nước	5.048.002.979.000	VNĐ
Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án		
Dự án đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.		
Vốn chủ sở hữu góp đến ngày 31/12/2020:	2.046.250.000.000	VNĐ

(3) Công ty cổ phần Phước tượng Phú gia BOT

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0106205342 ngày 12/06/2013; thay đổi lần thứ 9 ngày 22/02/2021 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp.

Giấy chứng nhận đầu tư số 62/BKHĐT-GCNTTN ngày 17/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và đầu tư; điều chỉnh thay đổi lần thứ nhất ngày 17 tháng 08 năm 2015;

+ Dự án Đầu tư xây dựng công trình hầm đường bộ Phước Tượng Phú Gia và Phú Gia, QL1A, Tỉnh Thừa Thiên Huế;

Phụ lục Hợp đồng BOT số 06/11378/HĐ.BOT-BGTVT ngày 17/07/2019 giữa Bộ Giao thông vận tải và Liên danh Phước Tượng Phú Gia (Nhà đầu tư) – Công ty cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT về việc Dự án đầu tư xây dựng công trình Hầm đường bộ Phước Tượng Phú Gia và Phú Gia, QL1A, Tỉnh Thừa Thiên Huế;

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	1.559.172.000.000	VNĐ
+ Vốn chủ sở hữu:	261.940.896.000	VNĐ
+ Vốn vay	1.297.231.104.000	VNĐ
+ Vốn ngân sách Nhà nước		VNĐ
Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án		
Vốn chủ sở hữu góp đến ngày 31/12/2020:	273.786.000.000	VNĐ

Dự án đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Tóm tắt thông tin hoạt động của Công ty liên kết

1. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam

Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng ICV Việt Nam có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0401777280 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 13/07/2016; Đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 18 tháng 11 năm 2020

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2020 là:	61.500.000.000	VNĐ

2. Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0106159826 ngày 22 tháng 4 năm 2013, Giấy phép thay đổi lần thứ 4 ngày 22 tháng 12 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hà Nội.

Giấy chứng nhận đầu tư số 60/BKHĐT-GCNĐTTN ngày 25/09/2013

+ Dự án Đầu tư xây dựng mở rộng QL1 đoạn Km1374+525 - Km1392 & Km1405 - Km1425, tỉnh Khánh Hòa theo hình thức Hợp đồng BOT.

- Quyết định 108/QĐ-BGTVT ngày 13 tháng 01 năm 2016 về việc thu phí tại trạm thu phí Ninh An Km1425+200 Quốc lộ 1 để hoàn vốn cho dự án Đầu tư xây dựng công trình mở rộng QL1 đoạn Km1374+525 - Km1392 và Km1405 - Km1425+500, tỉnh Khánh Hòa theo hình thức hợp đồng BOT

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	2.644.478.000.000	VNĐ
+ Vốn chủ sở hữu:	339.447.800.000	VNĐ
+ Vốn vay	2.305.030.200.000	VNĐ
+ Vốn ngân sách Nhà nước		VNĐ
Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án		
Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2020 là:	305.000.000.000	VNĐ

Dự án đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.

3. Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0108311466 ngày 05 tháng 06 năm 2018. Giấy phép Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4 ngày 01 tháng 09 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

+ Dự án Đầu tư xây dựng thành phần 2: Tuyến cao tốc từ cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng (Km1+800-Km44+749,67), tỉnh Lạng Sơn.

Tuyến cao tốc Cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng được đầu tư xây dựng theo Quyết định số 1833/QĐ-BGTVT ngày 14/06/2016 của Bộ Giao thông vận tải. UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án tại các quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 09/08/2018 và quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 15/10/2018.

Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 05/04/2019 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt điều chỉnh Phương án tài chính của Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn đoạn Km1+800-Km108+500, kết hợp tăng cường mặt đường QL1 đoạn Km1+800-Km106+500, tỉnh Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn theo hình thức hợp đồng BOT.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)		
- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	8.743.000.000.000	VNĐ
+ Vốn chủ sở hữu:	1.749.000.000.000	VNĐ
+ Vốn vay	6.994.000.000.000	VNĐ
+ Vốn ngân sách Nhà nước		VNĐ
Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án		
Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2020 là:	424.000.000.000	VNĐ
Tại ngày 31/12/2020 Công ty đang trong giai đoạn chuẩn bị dự án đầu tư.		

- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	*Địa chỉ*
+ Xí Nghiệp Thi Công Xây Lắp Công Trình	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
+ Xí Nghiệp Sản Xuất Dịch Vụ Thương Mại Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
+ Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
+ Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Đèo Cả	Thôn Hảo Sơn, Xã Hòa Xuân Nam, Huyện Đông Hoà, Phú Yên.
+ Xí nghiệp Quản lý, vận hành hầm đường bộ Cù Mông	Thôn Long Thạch, Xã Xuân Lộc, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên
+ Xí nghiệp Quản lý, vận hành đường cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn	Địa chỉ: Km81+140, Tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, Xã Hồ Sơn, Huyện Hữu Lũng, Tỉnh Lạng Sơn

II . KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 . Chế độ kế toán:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

2 . Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 . Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

a. Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiên thanh toán.

+ Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

b. Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất;

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

2 . Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế và bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:
- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

3 . Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác…

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

+ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

+ Công ty con

Phương pháp kế toán trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn và ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu

Công ty con là doanh nghiệp mà Công ty có quyền kiểm soát, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trực tiếp hoặc gián tiếp ở Công ty con. Kết quả kinh doanh của Công ty con phải được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát Công ty con và chấm dứt vào ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát Công ty con. Khoản đầu tư vào doanh nghiệp phải hạch toán theo Chuẩn mực kế toán " Công cụ tài chính" kể từ khi doanh nghiệp đó không còn là Công ty con và cũng không trở thành Công ty liên doanh, liên kết.

Phương pháp kế toán mua được Công ty sử dụng để hạch toán mua Công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả được phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào kết quả kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư ban đầu và đầu tư tăng thêm tại công ty con:
Nếu sau khi đã kiểm soát Công ty con, nếu công ty mẹ tiếp tục đầu tư vào Công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư tăng thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của Công ty con mua thêm phải được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là các giao dịch vốn chủ sở hữu.

Thoái vốn tại công ty con:
Số chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn tại Công ty con và giá trị phần tài sản thuần của Công ty con bị thoái vốn cộng với giá trị phần lợi thế thương mại chưa được phân bổ hết được ghi nhận ngay trong kỳ phát sinh theo nguyên tắc:

- Nếu giao dịch thoái vốn không làm Công ty mẹ mất quyền kiểm soát đối với Công ty con: toàn bộ chênh lệch nêu trên được ghi nhận vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất;

- Nếu giao dịch thoái vốn dẫn đến Công ty mẹ mất quyền kiểm soát đối với Công ty con: toàn bộ chênh lệch nêu trên được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Khoản đầu tư vào Công ty con sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi Công ty mẹ không còn nắm giữ quyền kiểm soát Công ty con.

Công ty con, liên kết mua cổ phiếu quỹ:

- Khi công ty con mua lại cổ phiếu quỹ từ cổ đông không kiểm soát, tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ trong tài sản thuần của Công ty con sẽ tăng lên. Tuy nhiên sau khi Công ty con mua cổ phiếu quỹ, phần giá trị tài sản thuần của Công ty con do Công ty mẹ nắm giữ có thể tăng hoặc giảm so với trước khi Công ty con mua cổ phiếu quỹ tùy thuộc vào giá mua cổ phiếu quỹ. Công ty mẹ phải xác định phần sở hữu của mình trong giá trị tài sản thuần của Công ty con tại thời điểm trước và sau khi Công ty con mua cổ phiếu quỹ. Phần chênh lệch trong giá trị tài sản thuần đó được ghi nhận trực tiếp vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất;

- Khi công ty liên kết mua cổ phiếu quỹ, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư trong tài sản thuần của Công ty liên kết sẽ tăng lên và nếu đủ để kiểm soát, nhà đầu tư sẽ trở thành Công ty mẹ, công ty liên kết trở thành Công ty con.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Công ty con đầu tư ngược lại công ty mẹ:
Đối với các Công ty con không bị hạn chế bởi pháp luật khi mua lại cổ phiếu của Công ty mẹ, kế toán phải trình bày giá trị ghi sổ khoản cổ phiếu Công ty con mua của công ty mẹ trong chỉ tiêu "Cổ phiếu quỹ" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Căn cứ vào Bảng cân đối kế toán của Công ty con, kế toán ghi giảm giá trị số cổ phiếu của công ty mẹ đang được nắm giữ bởi Công ty con.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích Công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát nắm giữ tại công ty con bao gồm lợi ích trực tiếp và gián tiếp có được thông qua Công ty con khác. Việc xác định lợi ích của các bên được căn cứ vào tỷ lệ vốn góp (trực tiếp và gián tiếp) tương ứng của từng bên trong Công ty con, trừ khi có thoả thuận khác.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm gía trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các Công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất.

+ Các khoản đầu tư vào công ty, liên kết

Công ty liên kết là Công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát, chi phối hoạt động kinh doanh, nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết của Công ty đó. Khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của nhà đầu tư trong lãi hoặc lỗ của bên được đầu tư sau ngày đầu tư. Phần sở hữu của nhà đầu tư trong kết quả kinh doanh của bên được đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của nhà đầu tư. Các khoản được chia từ bên được đầu tư phải hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Việc điều chỉnh giá trị ghi sổ cũng phải thực hiện khi lợi ích của nhà đầu tư thay đổi phát sinh từ các khoản thu nhập được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của bên được đầu tư, như việc đánh giá lại TSCĐ, chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ các giao dịch giữa tập đoàn với các công ty liên doanh, liên kết chỉ được ghi nhận trong Báo cáo tài chính hợp nhất tương ứng với phần sở hữu của các bên

Khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày bên được đầu tư trở thành công ty liên doanh hoặc liên kết. Khi mua khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và phần sở hữu của nhà đầu tư trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của bên được đầu tư được kế toán như sau:

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày gộp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Doanh nghiệp không được phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

Phần chênh lệch giữa phần sở hữu của nhà đầu tư trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của bên được đầu tư lớn hơn giá phí khoản đầu tư được ghi nhận ngay là thu nhập khi xác định phần sở hữu của nhà đầu tư trong kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết phù hợp với kỳ mua khoản đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Khi phần sở hữu của nhà đầu tư trong khoản lỗ của công ty liên kết bằng hoặc vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư, nhà đầu tư không phải tiếp tục phản ánh các khoản lỗ phát sinh sau đó. Sau khi phần sở hữu của nhà đầu tư trong vốn chủ của công ty liên doanh, liên kết giảm xuống bằng không, nhà đầu tư chỉ phải ghi nhận thêm khoản lỗ hoặc nợ phải trả nếu nhà đầu tư có nghĩa vụ pháp lý theo hợp đồng hoặc thực hiện thanh toán thay cho công ty liên doanh, liên kết các khoản nợ mà nhà đầu tư đã đảm bảo hoặc cam kết trả. Nếu sau đó công ty liên doanh, liên kết hoạt động có lãi, nhà đầu tư chỉ được ghi nhận phần sở hữu của mình trong khoản lãi đó sau khi đã bù đắp được phần lỗ thuần chưa được hạch toán trước đây.

Phương pháp loại trừ các giao dịch với bên liên kết

Các giao dịch của Công ty liên kết với các Công ty con, Công ty mẹ sẽ được loại trừ tương ứng với phần lợi ích của Công ty mẹ trong các bên liên kết.

+ Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác:

+ Đối với dự phòng khoản đầu tư vào các doanh nghiệp đặc thù (doanh nghiệp BOT) : Không trích dự phòng tổn thất đầu tư đối với các khoản đầu tư vào doanh nghiệp thực hiện dự án BOT, do hợp đồng BOT đảm bảo cho nhà đầu tư được bảo toàn vốn và lãi trên vốn của Nhà đầu tư tham gia dự án theo thỏa thuận hợp đồng BOT được ký kết giữa nhà đầu tư và Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong suốt thời gian hoạt động của dự án.

+ Đối với khoản tổn thất do công ty liên doanh, liên kết khác nếu Công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

4 . Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu:

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại ngoại tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính. Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

- Lập dự phòng phải thu khó đòi: Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

5 . Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

6 . Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ), thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Nguyên giá tài sản cố định:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do xây dựng bao gồm: chi phí đền bù và giải phóng mặt bằng, chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và lãi vay được vốn hóa theo chuẩn mực kế toán số 16. Chi phí hình thành nguyên giá tài sản cố định liên quan đến Dự án BOT. BT.

- Nguyên giá TSCĐ hình thành từ dự án BOT.:

Tài sản cố định được tạm ghi nhận tăng nguyên giá từ khi có kết quả của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước về việc thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu đưa vào khai thác, sử dụng. Chất lượng hạng mục cơ bản đáp ứng yêu cầu thiết kế được duyệt, các tiêu chuẩn áp dụng và các chỉ dẫn kỹ thuật của Dự án đủ điều kiện thông xe kỹ thuật đưa vào khai thác, sử dụng.

Công ty sẽ điều chỉnh việc ghi nhận Nguyên giá khi hoàn thành việc quyết toán các hạng mục với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- Khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định hữu hình là Phương tiện vận tải và Thiết bị dụng cụ quản lý được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng đối với tài sản cố định không hình thành từ dự án BOT.BT. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 -30 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03- 10 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao
- Tài sản cố định khác	10 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty, trừ trường hợp BĐS đầu tư chờ tăng giá thì không trích khấu hao mà xác định giá trị tổn thất do giảm giá trị.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Khấu hao đối với tài sản hình thành từ dự án BOT,BT. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Đối với dự án đầu tư theo hình thức Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (B.O.T), thời gian trích khấu hao tài sản cố định được xác định là thời gian khai thác hoàn vốn đầu tư của chủ đầu tư tại dự án. Việc trích khấu hao tài sản cố định hình thành từ dự án theo tỷ lệ tương ứng với doanh thu hàng năm phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án (tương tự như phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm). Việc xác định giá trị tài sản cố định hình thành từ dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng cơ bản."

7 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang đang trong quá trình thực hiện dự án được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc. Chi phí này bao gồm: Chi phí đền bù và giải phóng mặt bằng, chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và chi phí lãi vay được vốn hóa theo quy định Chuẩn mực 16 - Chi phí lãi vay thực tế phát sinh trong năm tài chính và được ghi nhận lũy kế từ khi Dự án được triển khai thực hiện theo quyết định của Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt đối với Dự án BOT và Hợp đồng BOT được ký giữa Bộ Giao thông vận tải và doanh nghiệp dự án.

8 . Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao (B.O.T)

Hợp đồng xây dựng – chuyển giao – kinh doanh (sau đây gọi tắt là hợp đồng B.O.T) là hình thức đầu tư được ký giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư để xây dựng công trình kết cấu hạ tầng; sau khi xây dựng xong, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án được quyền kinh doanh công trình trong một thời hạn nhất định; hết thời hạn, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án chuyển giao công trình đó cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

9 . Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

10 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.
Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

11 . Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi phân bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con được ghi giảm đến giá trị có thể thu hồi khi Ban Điều hành xác định rằng khoản này không thể thu hồi đầy đủ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được khấu hao.

12 . Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả:

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

13 . Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

14 . Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

15 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

16 . Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả :

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

17 . Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Khoản tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu vượt quá mệnh giá được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ các ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư cổ phần.

- Mua lại và tái phát hành cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu phổ thông đã phát hành khi Công ty mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Giá trị của cổ phiếu quỹ ghi giảm vốn chủ sở hữu bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua cổ phiếu quỹ.

Khi cổ phiếu quỹ được bán ra (tái phát hành cổ phiếu quỹ), giá vốn của cổ phiếu quỹ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Khoản chênh lệch giữa giá bán cổ phiếu quỹ và giá vốn của cổ phiếu quỹ được ghi nhận vào tài khoản Thặng dư vốn cổ phần.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

18 . Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

- Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

- Doanh thu phí giao thông

Doanh thu từ hoạt động thu phí giao thông đường bộ trong giai đoạn thu phí được ghi nhận dựa trên doanh số bán vé đường bộ, cầu đường bộ, hầm đường bộ theo mức phí được Nhà nước quy định áp dụng trên mỗi tuyến đường bộ, hầm đường bộ, cầu đường bộ nhất định mà Công ty được phép thu để hoàn vốn đầu tư các dự án B.O.T.

- Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

- Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập

- Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

- Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

19 . Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:
- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất;

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản Công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

20 . Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư …

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

21 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Chi phí đi vay trong giai đoạn khai thác hoàn vốn của dự án B.O.T được phân bổ theo tỷ lệ doanh thu thu phí giao thông nếu Công ty làm chủ đầu tư của dự án hoặc ghi nhận theo thực tế phát sinh đối với dự án Công ty mua lại.

22 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

23 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:
- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

24 . Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

25 . Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

26 . Công cụ tài chính

a. Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;

- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH) : Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

HỢP NHẤT KINH DOANH

Đầu tư thêm vào Công ty con

Công ty Cổ phần đầu tư Đèo Cả

Vào ngày 31/03/2020, Công ty mẹ đã tăng phần vốn góp tại Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả với giá trị vốn đầu tư thêm là 358.916.400.000 đồng chiếm 19,10%. Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ sau khi đầu tư thêm là 67,73%

Tóm tắt giá trị tài sản thuần tại ngày đầu tư thêm (31/03/2020)	Giá trị hợp lý ghi nhận tại ngày đầu tư thêm (VNĐ)
Tài sản tại ngày đầu tư thêm vốn	16.765.037.762.704
Nợ phải trả	12.006.758.736.363
Nguồn kinh phí và quỹ khác	3.452.924.767.484
Tài sản thuần	1.305.354.258.857
Lỗ từ giao dịch đầu tư thêm vốn	(43.723.547.764)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	43.723.547.764
Các khoản phải thu dài hạn	

Vào ngày 30/06/2020, Công ty mẹ đã tăng phần vốn góp tại Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả với giá trị vốn đầu tư thêm là 155.833.600.000 đồng chiếm 2,47%. Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ sau khi đầu tư thêm là 70,20%.

Tóm tắt giá trị tài sản thuần tại ngày đầu tư thêm (30/06/2020)	Giá trị hợp lý ghi nhận tại ngày đầu tư thêm (VNĐ)
Tài sản tại ngày đầu tư thêm vốn	17.549.678.822.345
Nợ phải trả	12.589.558.873.910
Nguồn kinh phí và quỹ khác	3.452.924.767.484
Tài sản thuần	1.507.195.180.951
Lỗ từ giao dịch đầu tư thêm vốn	(13.045.837.339)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	13.045.837.339

Vào ngày 30/09/2020, Công ty mẹ đã tăng phần vốn góp tại Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả với giá trị vốn đầu tư thêm là 11.000.000.000 đồng chiếm 0,16%. Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ sau khi đầu tư thêm là 70,36%

Tóm tắt giá trị tài sản thuần tại ngày đầu tư thêm (30/09/2020)	Giá trị hợp lý ghi nhận tại ngày đầu tư thêm (VNĐ)
Tài sản tại ngày đầu tư thêm vốn	17.867.296.197.430
Nợ phải trả	13.065.079.422.139
Nguồn kinh phí và quỹ khác	3.272.394.041.093
Tài sản thuần	1.529.822.734.198
Lỗ từ giao dịch đầu tư thêm vốn	(827.176.169)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	827.176.169

Khoản lãi lỗ do công ty mẹ đầu tư thêm một phần vốn tại công ty con nhưng vẫn giữ quyền kiểm soát, được công ty mẹ ghi nhận kết quả của việc đầu tư thêm vốn vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn

Vào ngày 28/07/2020, Công ty mẹ đã tăng phần vốn góp tại Công ty BGLS với giá trị vốn đầu tư thêm là 82.000.000.000 đồng chiếm 2.18%. Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ sau khi đầu tư thêm là 65,58%

Tóm tắt giá trị tài sản thuần tại ngày đầu tư thêm	Giá trị hợp lý ghi nhận tại ngày đầu tư thêm (VNĐ)
Tài sản tại ngày đầu tư thêm vốn (28/07/2020)	10.698.129.907.823
Nợ phải trả	9.367.285.444.228
Tài sản thuần	1.330.844.463.595
Lỗ từ giao dịch đầu tư thêm vốn	(981.405.371)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	981.405.371

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Khoản lãi lỗ do công ty mẹ đầu tư thêm một phần vốn tại công ty con nhưng vẫn giữ quyền kiểm soát, được công ty mẹ ghi nhận kết quả của việc đầu tư thêm vốn vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Đầu tư vào Công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa

Vào ngày 30/06/2020, vì Công ty mẹ đã tăng phần vốn góp tại Công ty DCIC nên ảnh hưởng gián tiếp đến tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ tại công ty cổ phần BOT Đèo Cả Khánh Hòa, tỷ lệ sở hữu tăng thêm 0,25%. Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ tại công ty Đèo Cả Khánh Hòa sau khoản đầu tư trên là 47,02% tương ứng với khoản đầu tư tăng thêm tại Công ty liên kết số tiền 750.137.598 đồng.

Khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sau ngày mua như sau:

Lợi nhuận sau thuế của Công ty liên kết sau ngày mua	105.591.456.198
Trích quỹ khác	
Tỷ lệ lợi ích	47,08%
Trong đó: - Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	*40,00%*
- Tỷ lệ lợi ích gián tiếp	*7,08%*
Giá gốc khoản đầu tư tại ngày mua	156.976.400.844
Lũy kế các khoản ghi tăng, giảm giá trị đầu tư đầu kỳ	93.195.649.541
Lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết kỳ này	49.714.643.587
Các khoản điều chỉnh tăng khoản đầu tư	486.116.519
Giá trị ghi sổ khoản đầu tư đến kỳ này	300.372.810.491

Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị

Vào ngày 31/12/2020, vì Công ty đã mua lại cổ phần của công ty Hà Thanh nên ảnh hưởng đến tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ tại công ty cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị, tỷ lệ sở hữu tăng thêm 7,08%. Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ tại công ty CP BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị sau khoản đầu tư trên là 29,25% tương ứng với khoản đầu tư tăng thêm tại Công ty liên kết số tiền 30.000.000.000 đồng.

Khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sau ngày hợp nhất như sau:

Lợi nhuận sau thuế của Công ty liên kết sau ngày mua	1.797.419.086
Tỷ lệ lợi ích	29,25%
Giá gốc khoản đầu tư tại ngày mua	94.000.000.000
Đầu tư tăng thêm	30.000.000.000
Lũy kế các khoản ghi tăng, giảm giá trị đầu tư đầu kỳ	108.330.402
Lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết kỳ này	525.660.299
Giá trị ghi sổ khoản đầu tư đến kỳ này	124.633.990.701

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam

Khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sau ngày hợp nhất như sau:

Lợi nhuận sau thuế của Công ty liên kết sau ngày mua	130.499.027
Trích quỹ khác	
Tỷ lệ lợi ích	21,95%
Giá gốc khoản đầu tư tại ngày mua	13.500.000.000
Lũy kế các khoản ghi tăng, giảm giá trị đầu tư đầu kỳ	1.452.001.029
Lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết kỳ này	28.644.536
Giá trị ghi sổ khoản đầu tư đến kỳ này	14.980.645.565

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

V . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

01 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	*01/01/2020*
Tiền mặt	**3.177.549.731**	**3.706.836.384**
- VND	3.177.549.731	3.706.836.384
Tiền gửi không kỳ hạn	**124.813.490.227**	**55.767.032.956**
- Tiền gửi (VND)	124.813.490.227	**55.767.032.956**
Tiền đang chuyển	721.060.000	**927.400.000**
Các khoản tương đương tiền	**148.244.512.882**	**752.089.490.102**
- Tiền gửi có kỳ hạn	148.244.512.882	752.089.490.102
Cộng	**276.956.612.840**	**812.490.759.442**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

2 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Chứng khoán kinh doanh

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

	31/12/2020		*01/01/2020*	
	Giá gốc	*Giá trị ghi sổ*	*Giá gốc*	*Giá trị ghi sổ*
b1) Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn				
b2) Dài hạn	17.000.000.000	17.000.000.000	17.000.000.000	17.000.000.000
- Ngân hàng Vietinbank	*15.000.000.000*	*15.000.000.000*	15.000.000.000	15.000.000.000
- Trái phiếu	*2.000.000.000*	*2.000.000.000*	*2.000.000.000*	*2.000.000.000*
Cộng	**17.000.000.000**	**17.000.000.000**	**17.000.000.000**	**17.000.000.000**

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2020	*Đầu tư tăng thêm*	*Các khoản điều chỉnh tăng giảm*	*Phân chia lãi lỗ từ các công ty liên doanh liên kết*	*01/01/2020*
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (*)	**439.987.446.758**	**30.486.116.519**		**50.268.948.422**	**359.232.381.816**
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	14.980.645.565			28.644.536	14.952.001.029
- Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	300.372.810.491	486.116.519		49.714.643.587	250.172.050.385
- Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	124.633.990.701	30.000.000.000		525.660.299	94.108.330.402
Cộng	**439.987.446.758**	**30.486.116.519**		**50.268.948.422**	**359.232.381.816**

Ghi chú: (*): Do các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty này chưa thể xác định được đ trình bày trên Báo cáo tài chính riêng theo quy định của Thông tư 200/TT-BT.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

03 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2020		01/01/2020	
	Trích lập dự phòng	*Giá trị*	*Trích lập dự phòng*	*Giá trị*
a) Ngắn hạn	**11.032.954.482**	**41.264.674.059**	**11.032.954.482**	**42.930.027.808**
Bên Khác	***11.032.954.482***	***34.259.114.520***	***11.032.954.482***	***40.514.239.323***
Công ty Quản lý và Sửa chữa đường bộ Đắc Lắc	3.399.652.533	3.399.652.533	3.399.652.533	3.399.652.533
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải Thạch				2.153.072.558
Công ty Cổ phần Cầu đường 19	4.059.173.165	4.059.173.165	4.059.173.165	4.059.173.165
Công ty Cổ phần Sông Đà 10		5.082.418.376		5.082.418.376
Công ty TNHH thu phí tự động VECT		558.010.000		
Nguyễn Tuấn Phong		400.000.000		
Công ty XD c.trình GT 502 - Bê tông tươi	139.639.000	139.639.000	139.639.000	139.639.000
Công ty CTGT 503 Đà Nẵng	215.066.430	215.066.430	215.066.430	215.066.430
Công ty TNHH An Bình	193.457.858	193.457.858	193.457.858	193.457.858
Công ty cổ phần Bachchambard Đà Nẵng		56.351.582		
Công ty CP XD GT Quảng Nam - HLM	145.872.585	145.872.585	145.872.585	145.872.585
Công ty TNHH MTV kiểm định KTAT dầu khí Việt Nam - PVEIC	354.000.000	354.000.000	354.000.000	354.000.000
Công ty CP XD Cầu đường 19-(CTLD XD 5 ống cống Đắk Hà)	356.880.000	356.880.000	356.880.000	356.880.000
Công ty CP XD Cầu đường 19 - (CT LD XD ĐB 5 -thuê trạm trộn)	402.079.364	402.079.364	402.079.364	402.079.364
Công ty CP XD Cầu đường 19-(Xí nghiệp 52 CT LD XD ĐB 5)	341.358.000	341.358.000	341.358.000	341.358.000
Công ty CP QL & XD ĐB QNĐN	249.999.800	249.999.800	249.999.800	249.999.800
Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại và Dịch Vụ Thành Lộc		207.991.080		207.991.080
Công ty TNHH Xuân thạnh - Thuê máy bơm bê tông	80.378.569	80.378.569	80.378.569	80.378.569
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Giáo Dục Phát Triển Công Nghệ Năng Lượng Việt Nam		1.402.440.000		
Tổng đội Thanh niên xung phong Nông nghiệp 4	219.676.656	219.676.656	219.676.656	219.676.656

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

03 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

a) Ngắn hạn	*31/12/2020*		*01/01/2020*	
Bên Khác	*Trích lập dự phòng*	*Giá trị*	*Trích lập dự phòng*	*Giá trị*
Xí nghiệp đầu tư và phát triển khu CN Bắc Chu Lai	278.976.912	278.976.912	278.976.912	278.976.912
Nguyễn Anh Hưng		1.150.000.000		
Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Đầu Tư Xây Dựng Cầu Đường Sài Gòn-Phú Yên		8.800.000.000		
Đối tượng khác	596.743.610	6.165.692.610	596.743.610	22.634.546.437
Bên liên quan		***7.005.559.539***		***2.415.788.485***
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng A2Z		2.794.496.852		
Công ty CP Đầu tư và xây dựng ICV Việt Nam		1.324.856.876		1.085.834.286
Công Ty Cổ Phần BOT Trung Lương-Mỹ Thuận		180.000.000		
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Hoàng Long		348.000.000		1.329.954.199
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa		2.358.205.811		
b) Dài hạn				
Cộng	**11.032.954.482**	**41.264.674.059**	**11.032.954.482**	**42.930.027.808**

04 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2020		*01/01/2020*	
	Trích lập dự phòng	*Giá trị*	*Trích lập dự phòng*	*Giá trị*
a) Ngắn hạn	**1.303.951.913**	**110.415.227.458**	**1.245.951.913**	**513.334.233.860**
Bên khác	**1.303.951.913**	**110.415.227.458**	**1.245.951.913**	**402.727.004.731**
Công ty TNHH MTV Đầu tư Sài Gòn		6.500.000.000		
Công ty TNHH Tư Vấn ĐT & XD AMICONS	180.000.000	180.000.000	108.000.000	180.000.000
Công ty cổ phần nhà thép tiền chế Chí Việt	673.571.100	673.571.100	673.571.100	673.571.100
Công ty TNHH TM & XD Thịnh Quốc	181.774.313	181.774.313	181.774.313	181.774.313

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

04 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

a) Ngắn hạn

Bên khác	*31/12/2020*		*01/01/2020*	
	Trích lập dự phòng	*Giá trị*	*Trích lập dự phòng*	*Giá trị*
Công ty TNHH thẩm định giá và đại lý thuế Việt Nam				966.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Nắng Ban Mai				15.247.718.241
Ban quản lý dự án các công trình trọng điểm -UBND tỉnh Khánh Hòa		630.794.995		
Công ty cổ phần Truyền thông Apollomedia		575.750.000		
Ban quản lý dự án 85				20.730.453.335
Công ty TNHH hãng kiêm toán và định giá ASCO		506.000.000		
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng điện 1		1.000.000.000		
Công ty Cổ Phần Xây Dựng Công Trình Ngầm				94.082.320.759
Công ty Cp đầu tư XD Hải Thạch		73.254.403.184		68.091.928.678
Công ty CP Sông đà 10				9.381.606.667
Nippon Koei o.,LTD				42.435.182.624
Tổng Công ty xây dựng Lũng Lô				24.121.874.552
Tổng công ty XD CT giao thông 8 - CTCP				8.327.509.806
Công ty CP Tập đoàn Quốc tế Đông Á		14.359.029.400		
Công ty CP XNK Ô tô và xe chuyên dụng Việt Nam		5.992.200.000		
Công ty TNHH MTV Minh Đạt		200.000.000		
Công ty TNHH sơn dẻo nhiệt Synthetic		250.000.000		
Đối tượng khác	268.606.500	6.111.704.466	282.606.500	118.307.064.656
Bên liên quan				***110.607.229.129***
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả				110.607.229.129

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

04 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

	31/12/2020		*01/01/2020*	
	Trích lập dự phòng	*Giá trị*	*Trích lập dự phòng*	*Giá trị*
b) Dài hạn		**256.576.072.558**		**62.378.709.484**
Bên khác:		***233.633.567.558***		***38.818.502.694***
Ban Quản lý dự án 2				2.850.000.000
Ban Quản lý dự án An toàn giao thông		5.092.000.000		4.592.000.000
Báo Giao Thông				100.000.000
Tổng Công ty 319 Bộ Quốc Phòng				4.858.005.642
Công ty TNHH Thời trang may Bình Minh				145.332.000
Xí nghiệp toyota Hoàn Kiếm Hà Nội				22.000
Công ty TNHH Trần Đăng Khoa				112.441.950
Công ty Cổ phần Phát triển thương hiệu Trần Gia				11.550.000
Hội Đồng Nghiệm thu Nhà Nước các công trình xây dựng				500.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội - CN Sở giao dịch 1				1.754.500
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Hà Nội				122.674.951
Ban quản lý dự án ĐTXD Tỉnh Lạng Sơn		7.275.350.000		3.425.350.000
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế GTVT - CTCP				269.706.600
Công Ty Cổ Phần Xây Dựng VNC				1.318.550.786
Công ty TNHH Tư vấn, Đầu tư, Tài chính, Kế toán, Thuế - Kiểm toán Com.pt				6.117.191.686
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Lạng Sơn				39.050.000
Công Ty TNHH Đầu Tư Và Xây Dựng HPT				10.517.741.888
Công ty CP Giao thông Xây dựng số 1				3.837.130.691
Ban quản lý dự án 85		21.307.969.484		
Công ty cổ phần xây dựng Hùng Vũ		4.779.688.458		
Công ty CP Sông đà 10		9.381.606.667		
Tổng công ty tư vấn thiết kế giao thông vận tải		1.195.842.793		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

04 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

	31/12/2020		*01/01/2020*	
	Trích lập dự phòng	*Giá trị*	*Trích lập dự phòng*	*Giá trị*
Tổng công ty XD CT giao thông 8 - CTCP		7.176.702.514		
Tổng Công ty xây dựng Lũng Lô		24.653.511.432		
Công ty Cổ Phần Xây Dựng Công Trình Ngầm		94.082.320.759		
Công Ty TNHH Hợp Tiến		2.434.678.767		
Công Ty TNHH Đầu Tư Và Xây Dựng HPT		10.926.764.026		
Các đối tượng khác		45.327.132.658		
Bên liên quan		***22.942.505.000***		***23.560.206.790***
Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Xây Dựng Hoàng Long		12.586.491.000		12.834.641.230
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả				25.843.360
Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Xây Dựng A2Z		10.356.014.000		10.699.722.200
Cộng	**1.303.951.913**	**366.991.300.016**	**1.245.951.913**	**575.712.943.344**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

05 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2020		*01/01/2020*	
	Gía trị	*Dự phòng*	*Gía trị*	*Dự phòng*
a) Ngắn hạn	**256.435.369.153**	**1.032.556.836**	**353.152.275.866**	**2.583.885.672**
Tạm ứng	94.859.295.749	159.523.000	116.127.573.715	
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia				
Ký cược, ký quỹ	100.000.000		100.000.000	
Phải thu khác	161.476.073.404	873.033.836	236.924.702.151	873.033.836
Bên Khác	***133.391.801.404***	***873.033.836***	***159.166.277.605***	***873.033.836***
+ Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hải Thạch	42.685.248.547		13.189.516.549	
+ Cục Quản lý đường bộ III	837.818.000	837.818.000	837.818.000	837.818.000
+ Công ty CP XNK Ô tô và xe chuyên dụng Việt Nam	629.090.910			
+ Cho mượn - Công ty CP Tập đoàn Quốc tế Đông Á	3.000.000.000			
+ Giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư tại các huyện, tỉnh Bắc Giang Lạng Sơn			29.895.316.994	
+ Ban Giải phóng mặt bằng quận Liên Chiểu	2.291.844.944		46.370.610.542	
+ BQL dự án các công trình trọng điểm - UBND tỉnh Khánh Hòa	4.919.720.000			
+ Chi nhánh công ty TNHH MTV BCA Thăng Long - Xí nghiệp Đại Việt			10.293.500.000	
+ Công ty bảo hiểm PVI Gia Định	224.466.097		5.338.754.886	
+ Công ty Cổ Phần Xây Dựng Công Trình Ngầm	3.070.496.900			
+ Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư 492	4.217.137.636		4.217.137.636	
+ Hội đồng bồi thường hỗ trợ TĐC các dự án trọng điểm trên địa bàn huyện Phú Lộc	26.439.285.000			
+ Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Đông Hòa	1.720.647.866			
+ Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng	1.520.085.456			
+ Trung tâm phát triển quỹ đất Thành Phố Quy Nhơn	8.670.686.533			
+Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Sông Cầu	2.592.976.012			
+ Các đối tượng khác	30.572.297.503	35.215.836	49.023.622.998	35.215.836

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

05 . PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

	31/12/2020		*01/01/2020*	
	Gía trị	*Dự phòng*	*Gía trị*	*Dự phòng*
Bên liên quan	***28.084.272.000***		***77.758.424.546***	
+ Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc Tế Hà Thành			49.083.120.000	
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	3.758.872.000		4.349.904.546	
+ Công ty TNHH đầu tư phát triển hạ tầng giao thông Việt Nam	24.325.400.000		24.325.400.000	
b) Dài hạn	**172.835.805.238**		**92.126.821.978**	
Phải thu tạm ứng cổ tức	85.116.084.898		82.843.201.991	
Bên Khác	***239.057.455***		***239.057.455***	
+ Công ty CP Đầu tư và Xây Dựng Việt Thành	239.057.455		239.057.455	
Bên liên quan	***84.877.027.443***		***82.604.144.536***	
+ Công ty CP Đầu tư TMQT Hà Thành	33.952.042.939		33.044.623.990	
+ Công ty CP BOT Hưng Phát	50.924.984.504		49.559.520.546	
+ Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Chi Lăng	11.826.510.370			
+ Trung tâm phát triển quỹ đất và Cụm công nghiệp huyện Lạng Giang	29.067.818.096			
+ Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Hữu Lũng	7.155.040.100			
+ Phải thu tiền sửa chữa, bảo hành dự án	481.120.623			
Ký cược, ký quỹ	9.275.234.987		9.275.234.987	
Phải thu khác	29.913.996.164		8.385.000	
Cộng	**429.271.174.391**	**1.032.556.836**	**445.279.097.844**	**2.583.885.672**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

06 . NỢ XẤU

1. Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

	31/12/2020		*01/01/2020*	
	Giá gốc	*Giá trị có thể thu hồi*	*Giá gốc*	*Giá trị có thể thu hồi*
- Phải thu khách hàng, phải thu khác	**13.713.811.311**	**341.410.080**	**14.059.138.806**	**744.737.575**
+ Công Ty CP XD Cầu đường 19	5.159.490.529		5.159.490.529	
+ Công ty QL và SC ĐB Đắc Lắc	3.399.652.533		3.399.652.533	
+ Công ty cổ phần nhà thép tiền chế Chí Việt	673.571.100		673.571.100	
+ Đối tượng khác	4.481.097.149	341.410.080	4.826.424.644	744.737.575
Cộng	**13.713.811.311**	**341.410.080**	**14.059.138.806**	**744.737.575**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

07 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Dự phòng*
- Hàng đang đi đường				
- Nguyên liệu, vật liệu	5.027.348.465		6.093.935.832	
- Công cụ, dụng cụ	259.142.127		339.973.771	
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	67.436.673.179		100.827.296.408	
Cộng	**72.723.163.771**		**107.261.206.011**	

Ghi chú:

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: Không có
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: Không có

08 . TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2020	*01/01/2020*
Mua sắm		497.762.553
Xây dựng cơ bản dở dang	5.474.686.863.072	13.233.346.801.755
- Dự án đầu tư xây dựng hầm đường bộ Đèo Cả	5.474.686.863.072	4.238.170.316.633
+ Chi phí mua sắm tài sản cố định		*79.823.736*
+ Chi phí các gói thầu giải phóng mặt bằng, tái định cư	3.924.253.724	*604.280.430*
+ Chi phí các gói thầu khác	382.122.425.177	*16.077.343.299*
+ Chi phí lãi vay	1.083.806.786.967	*1.035.249.832.767*
+ Chi phí quản lý dự án	31.801.023.295	*60.979.276.600*
+ Chi phí các gói thầu thiết bị	796.342.960.970	*317.354.961.778*
+ Chi phí các gói thầu Tư vấn	267.886.773.097	387.528.389.264
+ Chi phí xây dựng các gói thầu xây lắp	2.694.293.514.361	*2.316.521.176.677*
+ Hạng mục khác	214.509.125.481	*103.775.232.082*
- Hạng mục đầu tư xây dựng công trình tuyến Cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn		*8.995.176.485.122*
+ Hợp phần cao tốc		*5.688.991.302.321*
+ Chi phí giải phóng mặt bằng		*1.560.061.810.961*
+ Chi phí lãi vay		*1.590.890.174.877*
+ Gói thầu hợp phần Quốc lộ 1		
+ Chi phí quản lý dự án		*44.499.303.564*
+ Hạng mục khác		*110.733.893.399*
Cộng	**5.474.686.863.072**	**13.233.844.564.308**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

09 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Cộng
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm	**15.008.754.210.677**	**24.793.605.786**	**66.923.724.931**	**27.176.873.021**	**15.127.648.414.415**
2. Số tăng trong năm	**9.942.924.744.963**	**1.285.091.182**	**1.732.199.855**	**92.353.915**	**9.946.034.389.915**
- Mua trong năm		*1.285.091.182*	*1.732.199.855*	*92.353.915*	*3.109.644.952*
- Đầu tư XDCB hoàn thành	*9.942.924.744.963*				*9.942.924.744.963*
- Tăng khác (đánh giá lại TS)					
3. Số giảm trong năm	**197.835.271.676**	**3.695.439.372**	**8.431.488.182**	**573.511.189**	**210.535.710.419**
- Thanh lý, nhượng bán		*3.695.439.372*	*8.431.488.182*	*573.511.189*	*12.700.438.743*
- Giảm khác	*197.835.271.676*				*197.835.271.676*
4. Số dư cuối năm	**24.753.843.683.964**	**22.383.257.596**	**60.224.436.604**	**26.695.715.747**	**24.863.147.093.911**
II. Giá trị hao mòn luỹ kế					
1. Số dư đầu năm	**893.708.036.328**	**16.278.102.425**	**48.050.586.392**	**12.680.178.182**	**970.716.903.327**
2. Khấu hao trong năm	**202.082.712.602**	**2.050.271.420**	**3.475.025.757**	**3.011.095.396**	**210.619.105.175**
- Khấu hao trong năm	*202.082.712.602*	*2.050.271.420*	*3.475.025.757*	*3.011.095.396*	*210.619.105.175*
3. Giảm trong năm		**3.626.884.190**	**5.302.648.789**	**589.442.838**	**9.518.975.817**
- Thanh lý, nhượng bán		3.610.759.190	5.302.648.789	573.511.189	*9.486.919.168*
- Giảm khác		16.125.000		15.931.649	
4. Số dư cuối năm	**1.095.790.748.930**	**14.701.489.655**	**46.222.963.360**	**15.101.830.740**	**1.171.817.032.685**
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	**14.115.046.174.349**	**8.515.503.361**	**18.873.138.539**	**14.496.694.839**	**14.156.931.511.088**
2. Tại ngày cuối năm	**23.658.052.935.034**	**7.681.767.941**	**14.001.473.244**	**11.593.885.007**	**23.691.330.061.226**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

09 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (Tiếp theo)

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 23.665.734.702.975 VNĐ
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 43.011.076.722 VNĐ
- Giá trị còn lại TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 đồng
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai;

Tài sản cố định dự án BOT được ghi nhận theo nguyên giá tạm tính từ khi có kết quả của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước về việc thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu đưa vào khai thác, sử dụng. Chất lượng hạng mục cơ bản đáp ứng yêu cầu thiết kế được duyệt, các tiêu chuẩn áp dụng và các chỉ dẫn kỹ thuật của Dự án đủ điều kiện thông xe kỹ thuật đưa vào khai thác, sử dụng. Công ty sẽ điều chỉnh việc ghi nhận Nguyên giá khi hoàn thành việc quyết toán các hạng mục với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Nguyên giá tạm tính của tài sản hình thành từ dự án BOT như sau:

Nguyên giá tạm tính của dự án hạng mục hầm Cổ Mã và đường dẫn, hầm Đèo Cả, hầm Cù Mông, Khu tái định cư tại Phú Yên và Khu tái định cư tại Khánh Hòa:

- Hạng mục hầm Cổ Mã và đường dẫn (không gồm GPMB, TĐC) là 3.294.107.478.939 đồng;
- Tiểu dự án Khu tái định cư tại tỉnh Phú Yên là 77.468.943.735 đồng;
- Tiểu dự án Khu tái định cư tại tỉnh Khánh Hòa là 104.520.336.405 đồng;
- Đối với hạng mục hầm Đèo Cả là 5.839.583.270.295 đồng;
- Đối với hạng mục hầm Cù Mông là 2.559.454.419.641 đồng.

Nguyên giá tạm tính của dự án hạng mục tăng cường mặt đường QL1 đoạn Km1 + 800 – Km 106 + 500: 1.164.962.738.363 đồng

Nguyên giá tạm tính của dự án hạng mục tuyến cao tốc Bắc Giang – Tp. Lạng Sơn đoạn KM45+100 – KM 108 + 500: 8.648.606.048.861 đồng

Nguyên giá tạm tính của dự án Hầm đường bộ Phước Tượng Phú Gia và Phú Gia, QL1A, Tỉnh Thừa Thiên Huế: 1.330.745.525.707 đồng

- Đối với dự án đầu tư theo hình thức Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (B.O.T) thời gian trích khấu hao tài sản cố định được xác định là thời gian khai thác hoàn vốn đầu tư của chủ đầu tư tại dự án. Việc trích khấu hao tài sản cố định hình thành từ dự án theo tỷ lệ tương ứng với doanh thu hàng năm phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án (tương tự như phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

10 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	**618.292.634**			**584.500.850**	**183.403.472**	**1.386.196.956**
2. Số tăng trong năm						
- Mua trong năm						
- Tạo ra từ nội bộ DN						
- Tăng khác						
3. Số giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối năm	**618.292.634**			**584.500.850**	**183.403.472**	**1.386.196.956**
II. Giá trị hao mòn luỹ kế						
1. Số dư đầu năm	**38.679.049**			**319.862.916**		**358.541.965**
2. Khấu hao trong năm	**12.881.088**			**81.327.180**		**94.208.268**
- Khấu hao trong năm	*12.881.088*			*81.327.180*		*94.208.268*
- Tăng khác						
3. Giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối năm	**51.560.137**			**401.190.096**		**452.750.233**
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	**579.613.585**			**264.637.934**	**183.403.472**	**1.027.654.991**
2. Tại ngày cuối năm	**566.732.497**			**183.310.754**	**183.403.472**	**933.446.723**

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 566.732.497 VND
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 45.000.000 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2020	*01/01/2020*
a) Ngắn hạn	**444.579.720.735**	**21.082.750.219**
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	936.823.258	151.324.406
Chi phí sửa chữa, bảo hiểm xe	253.899.665	542.927.521
Lãi vay chờ phân bổ	419.623.699.573	
Các khoản khác	23.765.298.239	20.388.498.292
b) Dài hạn	**895.915.895.373**	**26.705.049.286**
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	4.871.583.571	16.240.394.363
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	59.199.595	407.462.784
Chi phí sửa chữa, bảo hiểm xe	8.985.712	5.714.313.765
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	371.202.740	729.520.421
Lãi vay chờ phân bổ	883.223.616.498	
Các khoản khác	7.381.307.257	3.613.357.953
Cộng	**1.340.495.616.108**	**47.787.799.505**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

2 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

a) Vay ngắn hạn

	31/12/2020		*Trong năm*		*01/01/2020*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Tăng*	*Giảm*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Vay ngắn hạn - VND	341.156.294.808	343.156.294.808	841.335.901.434	637.585.938.506	137.406.331.880	137.406.331.880
Bên khác	***157.924.399.205***	***157.924.399.205***	***244.204.005.831***	***219.085.938.506***	***132.806.331.880***	***132.806.331.880***
- NH Công Thương CN Đà Nẵng	*154.154.979.516*	*154.154.979.516*	*244.204.005.831*	*218.997.469.135*	*128.948.442.820*	*128.948.442.820*
- Cán bộ, công nhân viên	*3.769.419.689*	*3.769.419.689*		*88.469.371*	*3.857.889.060*	*3.857.889.060*
Bên liên quan	***183.231.895.603***	***185.231.895.603***	***597.131.895.603***	***418.500.000.000***	***4.600.000.000***	***4.600.000.000***
- Công ty CP tập đoàn Đèo cả	*178.631.895.603*	*178.631.895.603*	*303.131.895.603*	*124.500.000.000*		
- Công ty Cổ Phần Tư Vấn Xây Dựng A2Z		*2.000.000.000*		*2.000.000.000*	*2.000.000.000*	*2.000.000.000*
- Công ty cổ phần đầu tư Hạ tầng Miền Bắc			*92.000.000.000*	*92.000.000.000*		
- Công ty Cổ Phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	*2.000.000.000*	*2.000.000.000*	*202.000.000.000*	*200.000.000.000*		
- Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát	*2.600.000.000*	*2.600.000.000*			*2.600.000.000*	*2.600.000.000*
Cộng	**341.156.294.808**	**343.156.294.808**	**841.335.901.434**	**637.585.938.506**	**137.406.331.880**	**137.406.331.880**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

2 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Vay dài hạn

	31/12/2020		*Trong năm*		*01/01/2020*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Tăng*	*Giảm*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Trên 1 năm đến 5 năm	**94.758.333.334**	**94.758.333.334**	**174.000.000.000**	**319.100.000.000**	**239.858.333.334**	**239.858.333.334**
Bên khác	**758.333.334**	**758.333.334**		**1.300.000.000**	**2.058.333.334**	**2.058.333.334**
- Vay dài hạn mua 3 chung cư	758.333.334	*758.333.334*		*1.300.000.000*	*2.058.333.334*	*2.058.333.334*
Bên liên quan	**94.000.000.000**	**94.000.000.000**	**174.000.000.000**	**317.800.000.000**	**237.800.000.000**	**237.800.000.000**
- Công ty CP TV Xây Dựng A2Z	2.000.000.000	*2.000.000.000*	*2.000.000.000*			
- Công ty cổ phần đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	92.000.000.000	*92.000.000.000*	*92.000.000.000*			
- Công ty CP tập đoàn Đèo Cả			*80.000.000.000*	*317.800.000.000*	*237.800.000.000*	237.800.000.000
Trên 5 năm	**20.649.698.174.390**	**20.649.698.174.390**	**1.229.153.645.755**	**506.885.899.885**	**19.927.430.428.520**	**19.927.430.428.520**
-Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội	19.683.530.375.438	19.683.530.375.438	1.154.135.935.139	504.579.899.885	19.033.974.340.184	19.033.974.340.184
- HĐTD số 01/2015-HDTDDA/NHCT106-DEOCA	2.206.415.065.389	2.206.415.065.389		62.678.623.292	2.269.093.688.681	2.269.093.688.681
- Hợp đồng tín dụng số 01/2016-HĐTDDA/NHCT106-DEOCA	3.078.573.040.988	3.078.573.040.988	847.092.978.057	771.449.549	2.232.251.512.480	2.232.251.512.480
- Hợp đồng tín dụng số 02-2013-HDTDDA/NHCT106-DEOCA	4.648.403.867.855	4.648.403.867.855		6.000.000.000	4.654.403.867.855	4.654.403.867.855
- Hợp đồng tín dụng số 02/2015-HDTDDA/NHCT106-DEOCA	1.046.590.240.733	1.046.590.240.733		6.709.827.044	1.053.300.067.777	1.053.300.067.777
HĐTD số 01/2017-HĐTDDA /NHCT106-BOT BGLS	*8.703.548.160.473*	*8.703.548.160.473*	*307.042.957.082*	*428.420.000.000*	*8.824.925.203.391*	*8.824.925.203.391*
- Ngân hàng TMCP Việt Á - CN Hà Nội	966.167.798.952	*966.167.798.952*	*75.017.710.616*	*2.306.000.000*	*893.456.088.336*	*893.456.088.336*
Cộng	**20.744.456.507.724**	**20.744.456.507.724**	**1.403.153.645.755**	**825.985.899.885**	**20.167.288.761.854**	**20.167.288.761.854**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

a) Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay ngắn hạn:

Bên cho vay	*Hợp đồng*	*Hạn mức/Số tiền vay (VND)*	*Thời hạn vay*	*Lãi suất*	*Mục đích vay*	*Hình thức đảm bảo*
- Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đà Nẵng	HĐ tín dụng số 01/2020-HDCVHM/NHCT480-DII ngày 02/11/2020	100.000.000.000	Từ ngày ký hợp đồng đến ngày 02/11/2021	Ghi trên từng giấy nhận nợ	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Cà vẹt xe oto, giấy CNQSD nhà tại căn hộ Plaza, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại 27 Bùi Chát
- Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đà Nẵng	HĐTD dụng số 02/2019/- HĐ tín dụng số 02/2020-HDCVHM/NHCT480-DII ngày 02/11/2020	80.000.000.000	Từ ngày ký hợp đồng đến ngày 02/11/2021	Ghi trên từng giấy nhận nợ	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tín chấp
- Công ty cổ phần Tập đoàn Đèo cả	Hợp đồng vay số 0201/2020 ngày 02/01/2020	400.000.000.000	12 tháng	8%/năm	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tín chấp
Công Ty CP Tư Vấn Xây Dựng A2Z	Hợp đồng vay số 30.07/2019/DII-A2Z ngày 30/7/2019, PLHĐ	2.000.000.000	12 tháng	6%/năm	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tín chấp
- Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng Miền Bắc	Hợp đồng vay từng lần, PL	92.000.000.000	12 tháng	8%/năm	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tín chấp
- Công ty cổ phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Hợp đồng vay từng lần, PL	202.000.000.000	12 tháng	8%/năm	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tín chấp
- Vay CBCNV Công ty	Hợp đồng và các phụ lục kèm theo ký với từng cá nhân cho vay	Không giới hạn	Từ ngày ký hợp đồng đến khi kết thúc hợp đồng	Lãi suất trả bằng lãi suất tiền gửi kỳ hạn 3 tháng tại NH Công ty đang giao dịch	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tín chấp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

b) Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay dài hạn:

(1) Theo Hợp đồng số 01/2015 - HĐTDDA/NHCT106-DEOCA ngày 28/07/2015 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hà Nội. Hạn mức vay là 3.351 tỷ đồng để thực hiện Hạng mục đầu tư Hầm đường bộ qua đèo Cù Mông, QL1 tỉnh Phú Yên và tỉnh Bình Định thuộc Dự án đầu tư xây dựng hầm đường bộ qua Đèo Cả - QL1, tỉnh Phú Yên và tỉnh Khánh Hòa theo hình thức BT và BOT. Thời hạn vay là 204 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian giải ngân là 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất nhận nợ là lãi suất ghi trên từng Giấy nhận Nợ.

(2) Theo Hợp đồng số 01/2016 - HĐTDDA/NHCT106-DEOCA ngày 02/02/2016 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hà Nội. Hạn mức vay là 4.182 tỷ đồng và phần lãi vay trong thời gian xây dựng được vốn hóa vào Tổng mức đầu tư của Dự án để thực hiện Giai đoạn 2 - Mở rộng Hầm Hải Vân thuộc Hạng mục đầu tư ở rộng Hầm Đường bộ Hải Vân QL1, tỉnh Thừa Thiên Huế và TP Đà Nẵng) được bổ sung vào Dự án Đầu tư xây dựng hầm đường bộ qua Đèo Cả. Thời hạn vay là 20 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian giải ngân là 4 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay là lãi suất ghi trên từng Giấy nhận Nợ.

(3) Theo Hợp đồng vay số 02/2013/NHCT106-DEOCA với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hà Nội ngày 22/10/2013. Hạn mức vay là: 5.420.000.000.000 đồng, mục đích sử dụng tiền vay là thanh toán các chi phí hợp lý để thực hiện Công trình BOT thuộc Dự án Xây dựng Hầm đường bộ qua Đèo Cả - Quốc lộ 1, tỉnh Phú Yên, Khánh Hòa. Thời hạn vay là 180 tháng, lãi suất theo từng lần nhận nợ.

(4) Theo Hợp đồng số 02/2015 - HĐTDDA/NHCT106-DEOCA ngày 11/12/2015 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hà Nội. Hạn mức vay là 1.190 tỷ đồng để thực hiện nâng cấp, sửa chữa, cải tạo Hầm Hải Vân 1 và Đoạn tuyến QL1 qua Đèo Hải Vân (Giai đoạn 1 của Hạng mục Đầu tư mở rộng Hầm đường bộ qua Đèo Hải Vân, QL1, tỉnh Thừa Thiên Huế và TP Đà Nẵng) được bổ sung vào Dự án Đầu tư xây dựng hầm đường bộ qua Đèo Cả - QL1 theo hình thức BT và BOT (Bao gồm cả cho vay lãi nhập gốc trong thời gian xây dựng và cho vay phần Thuế GTGT). Thời hạn vay là 192 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian giải ngân là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất nhận nợ là lãi suất ghi trên từng Giấy nhận Nợ.

(5) Theo Hợp đồng số 01/2017 - HĐTDDA/NHCT106-BOT BGLS với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hà Nội. Hạn mức vay là 1.190 tỷ đồng để thực hiện dự án cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn. Thời hạn vay là 17 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian giải ngân là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất nhận nợ là lãi suất ghi trên từng Giấy nhận Nợ.

(6) Theo Hợp đồng số 23072014/HDDH với Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh thành phố Hà Nội. Hạn mức vay là 1.149 tỷ đồng để thực hiện dự án xây dựng công trình hầm đường bộ Phước Tượng-Phú Gia, quốc lộ 1A, tỉnh Thừa Thiên Huế, theo hình thức hợp đồng BOT. Thời hạn vay là 233 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất nhận nợ là lãi suất ghi trên từng Giấy nhận Nợ.

Chi phí lãi vay của các khoản nợ vay của các hợp đồng nêu trên liên quan đến các dự án đang thực hiện được vốn hóa theo chuẩn mực chi phí lãi vay được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
a) Ngắn hạn	**1.066.861.291.201**	**1.066.861.291.201**	**1.097.329.726.551**	**1.097.329.726.551**
Bên Khác	***522.927.522.413***	***522.927.522.413***	***891.524.749.071***	***891.524.749.071***
Công ty CP XD thí nghiệm điện & trang trí nội thất EMTC3	15.344.365.177	15.344.365.177	11.867.731.900	11.867.731.900
Chi nhánh Công ty TNHH MTV BCA - Thăng Long tại TP Hồ Chí Minh			22.066.275.015	22.066.275.015
Công ty CP công nghệ Sao Bắc Đẩu			63.586.665.138	63.586.665.138
Công ty TNHH APAVE Châu á - Thái Bình Dương			20.646.941.214	20.646.941.214
Công ty TNHH NIPPON KOEI Việt Nam Internationalllc			13.060.562.513	13.060.562.513
Công ty TNHH Hòa Hiệp	47.652.786.937	47.652.786.937	49.789.309.938	49.789.309.938
Công ty TNHH Xây dựng Mỹ Đà	39.017.659.104	39.017.659.104	45.637.546.215	45.637.546.215
Công ty CP LICOGI 16	125.106.781.619	125.106.781.619	174.652.263.062	174.652.263.062
Công ty Cổ phần Thương mại xây dựng Ánh Lộc	4.345.700.000	*4.345.700.000*		
Tổng công ty Xây dựng Lũng Lô	12.000.378.308	12.000.378.308	12.000.378.308	12.000.378.308
Công ty CP Nam Tân	13.243.783.828	13.243.783.828	13.243.783.828	13.243.783.828
Công ty TNHH TM & XD Lâm Tùng Phương	14.733.684.000	14.733.684.000		
Công ty TNHH kỹ thuật kiểm định hiệu chỉnh Toàn Cầu	28.260.801.916	28.260.801.916		
Công ty CP xây dựng Đại Thành	3.375.133.010	3.375.133.010		
Tổng Công ty Xây Dựng Hà Nội	2.254.195.200	2.254.195.200		
Công ty CP Xây dựng Lũng Lô 9	4.415.429.595	4.415.429.595	20.985.717.618	20.985.717.618
Công ty TNHH Nhạc Sơn	1.413.813.206	1.413.813.206		
Công ty CP ĐT Giáo dục phát triển công nghệ năng lượng VN	4.964.896.734	4.964.896.734	40.539.098.486	40.539.098.486
Phải trả cho các đối tượng khác	206.798.113.779	206.798.113.779	403.448.475.836	403.448.475.836
Bên liên quan	***543.933.768.788***	***543.933.768.788***	***205.804.977.480***	***205.804.977.480***
Công ty cổ phần Tư Vấn Xây Dựng A2Z			38.429.652.304	38.429.652.304
Công ty cổ phần An Ninh Đèo Cả	15.706.059.300	15.706.059.300	6.674.819.800	6.674.819.800
Công ty Cổ phần tập đoàn Đèo cả	507.513.916.466	507.513.916.466	155.096.589.233	155.096.589.233
Công ty CP Đầu tư và XD ICV Việt Nam	20.713.793.022	20.713.793.022	5.603.916.143	5.603.916.143

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

3 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
b) Dài hạn	**424.405.555.795**	**424.405.555.795**		
Bên khác	***373.735.238.976***	***373.735.238.976***		
Chi nhánh Công ty TNHH MTV BCA - Thăng Long tại TP Hồ Chí Minh	22.066.275.015	22.066.275.015		
Công ty cổ phần kỹ thuật công nghiệp Á Châu	18.019.220.715	18.019.220.715		
Công ty CP công nghệ Sao Bắc Đẩu	63.586.665.138	63.586.665.138		
Công ty CP xây dựng và nhân lực Việt Nam	6.649.125.023	6.649.125.023		
Công ty TNHH APAVE Châu á - Thái Bình Dương	20.646.941.214	20.646.941.214		
Công ty TNHH MTV BCA-Thăng Long	22.039.842.365	22.039.842.365		
Công ty TNHH NIPPON KOEI Việt Nam Internationalllc	13.950.086.253	13.950.086.253		
Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư 492	5.132.599.283	5.132.599.283		
Các đối tượng khác	201.644.483.970	201.644.483.970		
Bên liên quan	***50.670.316.819***	***50.670.316.819***		
Công ty Cp tư vấn xây dựng Hoàng Long	22.966.302.717	22.966.302.717		
Công ty cổ phần Tư Vấn Xây Dựng A2Z	27.704.014.102	27.704.014.102		
Cộng	**1.491.266.846.996**	**1.491.266.846.996**	**1.097.329.726.551**	**1.097.329.726.551**

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

4 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2020	*01/01/2020*
a) Ngắn hạn	**108.803.239.940**	**13.671.606.067**
Bên khác	***43.162.246.733***	***13.671.606.067***
Công ty xăng dầu Bình Định	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty CP XD công trình Ngầm	1.495.821.371	1.495.821.371
Công ty CP XD và TM Nhật Thành		225.000.000
Công ty xăng dầu khu vực V	3.000.000.000	3.000.000.000
Tổng công ty xây dựng Lũng Lô	2.475.005.925	2.475.005.925
CN Trung tâm phát triển quỹ đất số 3- TP Đà Nẵng	2.587.489.000	2.587.489.000
Đối tượng khác	30.603.930.437	888.289.771
Bên liên quan	***65.640.993.207***	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	65.640.993.207	
b) Dài hạn		
Cộng	**108.803.239.940**	**13.671.606.067**

5 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm		*Số phải nộp trong năm*	*Số đã thực nộp trong năm*	*Số cuối năm*	
	Phải thu	*Phải trả*			*Phải thu*	*Phải trả*
Thuế thu nhập doanh nghiệp		2.295.676.729	4.601.890.606	2.295.676.727		4.601.890.608
Thuế thu nhập cá nhân		1.087.403.497	1.496.933.046	1.626.338.141		957.998.402
Thuế GTGT	1.679.182.286	3.635.720.191	56.701.936.365	51.446.686.533	2.293.289.206	9.505.076.943
Thuế GTGT hàng nhập khẩu						
Thuế tài nguyên			828.285.423	828.285.423		
Thuế nhà đất, tiền thuê đất			921.212.685	921.212.685		
Thuế khác		965.346.729	12.263.151.763	10.622.623.041	118.911.073	962.146.486
Cộng	**1.679.182.286**	**7.984.147.146**	**76.813.409.888**	**67.740.822.550**	**2.412.200.279**	**16.027.112.439**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2020	*01/01/2020*
a) Ngắn hạn	**1.067.457.417.597**	**179.052.776.706**
Trích trước chi phí đồng phục	24.228.631.337	
Trích trước chi phí vận hành Hầm		59.594.948.136
Trích trước chi phí trung tu, đại tu hầm Đèo Cả, Cù Mông	38.647.987.896	
Trích trước lãi vay	42.353.583.583	112.427.782.511
Chi phí lãi vay phải trả	675.147.192.036	
Các khoản khác	287.080.022.745	7.030.046.059
b) Dài hạn		
Các khoản khác		
Cộng	**1.067.457.417.597**	**179.052.776.706**

17 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2020	*01/01/2020*
a) Ngắn hạn	**959.803.534.225**	**1.239.493.642.697**
Tài sản thừa chờ giải quyết	46.449.775	46.449.775
Kinh phí công đoàn	1.326.301.706	571.851.388
Bảo hiểm xã hội	640	
Bảo hiểm y tế		285.750
Bảo hiểm tai nạn lao động		
Bảo hiểm thất nghiệp		
Phải trả về cổ phần hóa		
Quỹ ủng hộ	418.533.926	620.533.926
Cổ tức, lợi nhuận phải trả		
Tạm ứng (số dư có 141)	153.292.087	208.799.618
Các khoản phải trả, phải nộp khác	957.858.956.091	1.238.045.722.240
Bên khác	***957.858.956.091***	***1.034.295.722.240***
Các khoản phải trả bảo lãnh thực hiện hợp đồng bảo hành, khối lượng chờ quyết toán	*896.916.349.721*	*949.466.173.445*
Các khoản phải trả bảo lãnh thực hiện hợp đồng bảo hành, chờ quyết toán Hạng mục tại dự án BOT Bắc Giang Lạng Sơn		*67.827.684.999*
Công ty France Emulsion tiền lợi nhuận hợp tác kinh doanh	*1.606.087.366*	*1.650.429.936*
Đối tượng khác	*59.336.519.004*	*15.351.433.860*
Bên liên quan		***203.750.000.000***
Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T		*203.750.000.000*
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		
Các khoản phải trả, phải nộp khác		
Cộng	**959.803.534.225**	**1.239.493.642.697**

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

3 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Nguồn kinh phí và quỹ khác	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư năm trước	**79.375.000.000**	**(289.680.000)**	**1.882.651.379**	**20.579.384.963**			**101.547.356.342**
Tăng vốn trong năm trước	2.190.715.900.000						2.190.715.900.000
Lãi trong năm trước			1.317.445.664	201.106.184.909		(46.062.872.421)	156.360.758.152
Tăng do trích lập từ lợi nhuận							
Số dư nguồn vốn của cty con tại ngày mua					3.452.924.767.484	1.094.341.796.251	4.547.266.563.735
Chia cổ tức				(10.308.378.402)			(10.308.378.402)
Tăng khác				616.375.984			616.375.984
Giảm khác		289.680.000		(2.924.571.328)			(2.634.891.328)
Số dư đầu năm nay	**2.270.090.900.000**		**3.200.097.043**	**209.068.996.126**	**3.452.924.767.484**	**1.048.278.923.830**	**6.983.563.684.483**
Tăng vốn trong năm nay (*)	403.750.000.000					1.808.581.540	405.558.581.540
Lãi trong năm này				137.187.847.817			137.187.847.817
Trích quỹ từ lợi nhuận						38.376.491.377	38.376.491.377
Tăng khác						58.577.966.643	58.577.966.643
Trích quỹ từ lợi nhuận			1.651.224.644				1.651.224.644
Lỗ trong năm này							
Giảm khác (**)		(208.000.000)		(58.577.966.643)	(181.152.454.682)	(523.270.002)	(240.461.691.327)
Số dư cuối năm	**2.673.840.900.000**	**(208.000.000)**	**4.851.321.687**	**287.678.877.300**	**3.271.772.312.802**	**1.146.518.693.388**	**7.384.454.105.177**

Ghi chú:(*) Đây là khoản vốn góp tăng trong năm được Công ty thực hiện phát hành cổ phần riêng lẻ theo Nghị quyết 03/2020 NQ - ĐHCĐ của Đại hội đồng cổ đông công ty ngày 16/06/2020 về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ, Biên bản họp số 13/2020/BB-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 05/08/2020 và hợp đồng mua bán số 01/2020/HĐMBCP/DII giữa Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng giao thông Đèo Cả và Công ty cổ phần Đầu tư Hải Thạch BOT.

Theo đó Công ty đã phát hành 40.375.000 cổ phiếu với giá trị 403.750.000.000 đồng để hoàn trả khoản nợ 403.750.000.000 cho Công ty cổ phần Đầu tư Hải Thạch BOT.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

18 . 2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2020	%	*01/01/2020*	%
- Công ty CP Tập Đoàn Đèo Cả (*)	37.892.550.000	1,42%	37.892.550.000	1,67%
Vốn góp của các đối tượng khác	2.635.948.350.000	98,58%	2.232.198.350.000	*98,33%*
- Hồ Minh Hoàng	*18.000.000.000*	*0,67%*	*18.000.000.000*	*0,79%*
- Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	*1.317.831.250.000*	*49,29%*	*914.081.250.000*	*40,27%*
- Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	*882.303.650.000*	*33,00%*	*882.303.650.000*	*38,87%*
- Công ty CP tập đoàn Hải Thạch	*122.000.000.000*	*4,56%*	*122.000.000.000*	*5,37%*
- Công ty CP Đầu tư thương mại Quốc tế Hà Thành	*108.331.000.000*	*4,05%*	*108.331.000.000*	*4,77%*
- Công ty CP BOT Hưng Phát	*164.000.000.000*	*6,13%*	*164.000.000.000*	*7,22%*
- Vốn góp của các đối tượng khác	*23.482.450.000*	*0,88%*	*23.482.450.000*	*1,03%*
Cộng	**2.673.840.900.000**	**100,00%**	**2.270.090.900.000**	**100,00%**

Ghi chú:

(*) Tại ngày 16/12/2019 Công ty CP Tập Đoàn Đèo Cả trở thành Công ty mẹ của Công ty thông qua quyền sở hữu, quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp tại các Công ty con đầu tư vào Công ty CP hạ tầng giao thông Đèo Cả với tỷ lệ quyền sở hữu và biểu quyết như sau:

	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Quyền sở hữu trực tiếp	1,42%	1,42%
Quyền sở hữu và biểu quyết gián tiếp	*73,56%*	*92,47%*
- Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	43,14%	*49,29%*
- Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	20,56%	*33,00%*
- Công ty CP ĐTTM Quốc tế Hà Thành	4,03%	*4,05%*
- Công ty CP BOT Hưng Phát	5,83%	*6,13%*
Cộng	**74,98%**	**93,89%**

18 . 3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	31/12/2020	*01/01/2020*
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu năm	2.270.090.900.000	79.375.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	403.750.000.000	2.190.715.900.000
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	2.673.840.900.000	2.270.090.900.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

18 . 4. Cổ phiếu

	31/12/2020	*01/01/2020*
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	267.384.090	227.009.090
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	267.384.090	227.009.090
- Cổ phiếu phổ thông	*267.384.090*	*227.009.090*
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

VI . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2020	*Năm 2019*
a) Doanh thu		
Doanh thu hoạt động duy tu bảo dưỡng hầm, đường	103.078.136.540	108.869.772.116
Doanh thu hoạt động xây lắp	139.767.520.463	44.565.656.257
Doanh thu cung cấp dịch vụ trung chuyển	12.256.638.637	20.796.300.000
Doanh thu kinh doanh bất động sản	2.070.775.458	599.435.000
Doanh thu vận hành các trạm thu phí	937.874.815.202	278.257.488.181
Doanh thu khác	7.484.711.640	24.009.373.912
Cộng	**1.202.532.597.940**	**477.098.025.466**

02 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2020	*Năm 2019*
Hàng bán bị trả lại	1.189.110.727	
Cộng	**1.189.110.727**	

03 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020	*Năm 2019*
Giá vốn hoạt động duy tu bảo dưỡng hầm, đường	74.741.500.381	70.049.783.286
Giá vốn hoạt động xây lắp	120.062.232.142	44.236.630.339
Giá vốn cung cấp dịch vụ trung chuyển	15.611.765.591	21.840.518.345
Giá vốn kinh doanh bất động sản	2.134.302.804	614.902.607
Giá vốn vận hành các trạm thu phí	278.464.867.326	109.447.062.876
Giá vốn khác	8.430.913.614	17.337.843.618
Cộng	**499.445.581.858**	**263.526.741.071**

04 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020	*Năm 2019*
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.754.138.462	8.165.852.133
Cộng	**7.754.138.462**	**8.165.852.133**

05 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2020	*Năm 2019*
Lãi tiền vay	480.298.079.400	247.129.676.579
Cộng	**480.298.079.400**	**247.129.676.579**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

06 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020	*Năm 2019*
1. Chi phí bán hàng		
2. Chi phí quản lý doanh nghiệp	**101.735.107.247**	**58.119.760.452**
Chi phí nguyên, vật liệu	39.912.504	287.036.542
Chi phí công cụ, dụng cụ	538.333.748	5.592.162.057
Chi phí nhân viên	24.680.946.835	8.560.762.293
Chi phí khấu hao	2.733.517.515	2.846.138.447
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.356.251.786	9.303.665.766
Thuế, phí, lệ phí	180.787.234	8.137.515
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	72.000.000	947.953.152
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(14.000.000)	(2.189.243.495)
Các khoản chi phí QLDN khác	24.147.357.625	32.763.148.175
Cộng	**101.735.107.247**	**58.119.760.452**

07 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2020	*Năm 2019*
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	3.133.351.350	
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ		240.286.039.705
Các khoản khác	10.185.671	92.264.221
Cộng	**3.143.537.021**	**240.378.303.926**

08 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2020	*Năm 2019*
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	2.931.394.167	3.421.619.485
Các khoản bị phạt	497.366.132	823.210.783
Các khoản khác	452.468.452	449.655.767
Cộng	**3.881.228.751**	**4.694.486.035**

09 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm 2020	*Năm 2019*
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	120.524.348.003	107.157.113.092
Chi phí nhân công	236.717.136.380	160.000.418.876
Chi phí khấu hao tài sản cố định	151.201.044.069	47.436.904.975
Chi phí dịch vụ mua ngoài	283.283.257.742	94.767.307.534
Chi phí khác bằng tiền	102.624.449.830	33.713.438.229
Cộng	**894.350.236.024**	**443.075.182.706**

10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2020	*Năm 2019*
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	4.601.890.606	2.295.676.729
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này		178.270.622
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**4.601.890.606**	**2.473.947.351**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

11 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LOẠI

	Năm 2020	*Năm 2019*
-Thu nhập thuế TNDN hoãn loại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế Thu nhập hoãn lại phải trả	(2.529.999.418)	564.092.582
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	**(2.529.999.418)**	564.092.582

12 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2020	*Năm 2019*
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	137.187.847.817	201.106.184.909
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế		
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	292.399.036	24.242.796
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**469**	**8.330**

13 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu

	Năm 2020	*Năm 2019*
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	137.187.847.817	201.106.184.909
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế		
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm		
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	292.399.036	24.242.796
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**469**	**8.330**

14 . THU NHẬP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIAM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

	Năm 2020	*Năm 2019*
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	748.500.000	306.000.000
Tiền lương	1.209.435.596	1.203.555.184

VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

01 . Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: Không có

02 . Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có

03 . Số tiền đi vay thực thu trong năm:

	Năm 2020	*Năm 2019*
- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	2.244.489.547.189	1.682.709.750.359

04 . Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:

	Năm 2020	*Năm 2019*
- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường:	1.463.571.838.391	389.512.667.252

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có

02 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2020 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

03 . Thông tin về các bên liên quan: Xem Phụ lục 1

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

04 . Thông tin bộ phận

a. Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh

Nhằm phục vụ cho công tác quản lý của Công ty, Công ty được tổ chức quản lý và hạch toán theo các đơn vị sản phẩm và lĩnh vực kinh doanh do đó báo cáo bộ phận theo các sản phẩm sản xuất và cung cấp dịch vụ như sau:

Năm 2020	Thu phí trạm BOT	Xây dựng	Dịch vụ trung chuyển	Vận hành, bảo dưỡng Hầm	Doanh thu khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	937.874.815.202	138.578.409.736	12.256.638.637	103.078.136.540	9.555.487.098	1.201.343.487.213
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**937.874.815.202**	**138.578.409.736**	**12.256.638.637**	**103.078.136.540**	**9.555.487.098**	**1.201.343.487.213**
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	659.409.947.876	16.381.874.790	(3.355.126.954)	28.336.636.159	1.124.573.484	701.897.905.355
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	**659.409.947.876**	**16.381.874.790**	**(3.355.126.954)**	**28.336.636.159**	**1.124.573.484**	**701.897.905.355**
Chi phí quản lý doanh nghiệp						(101.735.107.247)
Doanh thu hoạt động tài chính						7.754.138.462
Chi phí tài chính						(480.298.079.400)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh						50.755.064.942
Thu nhập khác						3.143.537.021
Chi phí khác						(3.881.228.751)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(4.601.890.606)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						2.529.999.418
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						**175.564.339.195**
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác						**(1.319.639.376.739)**
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn						**(201.194.337.626)**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

- Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

01/01/2020	Dự án BOT	Xây dựng	Bất động sản đầu tư	Vận hành, bảo dưỡng Hầm	Dịch vụ	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	29.412.469.867.452	8.894.369.571	7.928.640.442	1.568.084.315	12.974.997.440	29.443.835.959.220
Tài sản không phân bổ						560.252.166.184
Tổng tài sản	**29.412.469.867.452**	**8.894.369.571**	**7.928.640.442**	**1.568.084.315**	**12.974.997.440**	**30.004.088.125.404**
Nợ phải trả bộ phận	22.301.582.903.866	80.956.191.003		153.188.678.576		22.535.727.773.445
Nợ phải trả không phân bổ						484.796.667.476
Tổng nợ phải trả	**22.301.582.903.866**	**80.956.191.003**		**153.188.678.576**		**23.020.524.440.921**

31/12/2020	Dự án BOT	Xây dựng	Bất động sản đầu tư	Vận hành, bảo dưỡng Hầm	Dịch vụ	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	30.940.393.603.684	191.579.031.010	2.070.775.458	273.882.087.781	12.256.638.637	31.420.182.136.570
Tài sản không phân bổ						996.699.933.476
Tổng tài sản	**30.940.393.603.684**	**191.579.031.010**	**2.070.775.458**	**273.882.087.781**	**12.256.638.637**	**32.416.882.070.046**
Nợ phải trả bộ phận	24.451.352.589.292	80.956.191.003		153.188.678.576		24.685.497.458.871
Nợ phải trả không phân bổ						346.930.505.998
Tổng nợ phải trả	**24.451.352.589.292**	**80.956.191.003**		**153.188.678.576**		**25.032.427.964.869**

b. Báo cáo thứ yếu theo Khu vực địa lý

Năm 2020	Bắc Giang Lạng Sơn	Huế	Đà Nẵng	Phú Yên	Địa bàn khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	240.961.968.180	174.274.481.816	437.550.591.762	348.556.445.455		1.201.343.487.213
Tài sản bộ phận	11.107.233.533.645	1.367.364.138.797	8.687.016.361.576	11.242.783.915.341	12.484.120.687	32.416.882.070.046
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác						(1.319.639.376.739)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

05 . Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

a) Tài sản tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	31/12/2020		*01/01/2020*		*31/12/2020*	*01/01/2020*
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*		
Tiền và các khoản tương đương tiền	276.956.612.840		812.490.759.442		276.956.612.840	812.490.759.442
Phải thu khách hàng	41.264.674.059	(13.372.401.231)	42.930.027.808	(13.314.401.231)	41.264.674.059	29.615.626.577
Trả trước cho người bán	366.991.300.016		575.712.943.344		366.991.300.016	575.712.943.344
Các khoản phải thu khác	429.271.174.391		445.279.097.844		429.271.174.391	445.279.097.844
Đầu tư tài chính dài hạn	456.987.446.758		376.232.381.816		456.987.446.758	376.232.381.816
Cộng	**1.571.471.208.064**	**(13.372.401.231)**	**2.252.645.210.254**	**(13.314.401.231)**	**1.571.471.208.064**	**2.239.330.809.023**

b) Nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	31/12/2020		*01/01/2020*		*31/12/2020*	*01/01/2020*
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*		
Phải trả cho người bán	1.491.266.846.996		1.097.329.726.551		1.491.266.846.996	1.097.329.726.551
Người mua trả tiền trước	108.803.239.940		13.671.606.067		108.803.239.940	13.671.606.067
Vay và nợ	21.085.612.802.532		20.304.695.093.734		21.085.612.802.532	20.304.695.093.734
Phải trả người lao động	15.131.354.050		12.777.915.177		15.131.354.050	12.777.915.177
Các khoản phải trả khác	959.803.534.225		1.239.493.642.697		959.803.534.225	1.239.493.642.697
Cộng	**23.660.617.777.743**		**22.667.967.984.226**		**23.660.617.777.743**	**22.667.967.984.226**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, người lao động, cổ phiếu chuyển đổi và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

04 . Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty

Đơn vị tính: VND

a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

- Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

- Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Phải trả cho người bán	1.322.594.603.200			1.322.594.603.200
Người mua trả tiền trước	108.803.239.940			108.803.239.940
Vay và nợ	341.156.294.808	8.798.306.493.807	11.946.150.013.917	21.085.612.802.532
Chi phí phải trả	1.064.460.438.502			1.064.460.438.502
Các khoản phải trả phải nộp khác	1.201.269.786.638	123.423.822.378		1.324.693.609.016
Cộng	**4.038.284.363.088**	**8.921.730.316.185**	**11.946.150.013.917**	**24.906.164.693.190**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

c. . Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu chuyển đổi, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

- Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Do Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Do đó, rủi ro về ngoại tệ của Công ty là không trọng yếu. Tại thời điểm cuối kỳ, Công ty có số dư gốc ngoại tệ không đáng kể nên Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ.

- Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

- Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Giám đốc của công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2020.

- Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2020.

07 . Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

08 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2019 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 07 năm 2021

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Tổng Giám đốc
NGUYỄN THIÊN HOÀNG	NGUYỄN VĂN ÂN	NGUYỄN QUANG HUY

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Đơn vị tính: VND

01 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

- Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan: Không

- Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*		
- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt			
		Năm 2020	*Năm 2019*
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát		**748.500.000**	**306.000.000**
- Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch HĐQT	120.000.000	25.000.000
- Nguyễn Tấn Đông	Phó CT HĐQT	96.000.000	20.000.000
- Đỗ Văn Nam	Thành viên HĐQT	27.500.000	50.000.000
- Nguyễn Xuân Hưởng	Phó CT HĐQT	44.000.000	4.000.000
- Trần Văn Thế	Phó CT HĐQT	96.000.000	45.000.000
- Võ Thụy Linh	Thành viên HĐQT	60.000.000	36.000.000
- Nguyễn Đình Chính	Thành viên độc lập HĐQT	27.500.000	36.000.000
- Hoàng Văn Hải	Thành viên độc lập HĐQT	32.500.000	
- Nguyễn Thanh Trang	Thành viên HĐQT	32.500.000	
- Trần Chủng	Thành viên HĐQT	32.500.000	
- Nguyễn Minh Giang	Trưởng ban kiểm soát	84.000.000	42.000.000
- Phạm Lê Huy	Thành viên BKS	22.000.000	24.000.000
- Lưu Tuấn Vũ	Thành viên BKS	22.000.000	24.000.000
- Cam Thị Minh Hải	Thành viên BKS	26.000.000	
- Đỗ Thế Vinh	Thành viên BKS	26.000.000	
Tiền lương		**1.209.435.596**	**1.203.555.184**
- Nguyễn Quang Hưng			92.391.304
- Nguyễn Xuân Hưởng		240.000.000	480.000.000
- Lê Hồng Vũ		100.434.783	
- Võ Ngọc Trung		176.500.000	215.000.000
- Lê Châu Thắng		282.854.074	63.076.923
- Lưu Tuấn Vũ		78.000.000	52.000.000
- An Văn Thiện		142.391.304	216.304.348
- Nguyễn Văn Ân		189.255.435	84.782.609

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

2 Giao dịch với các bên liên quan khác:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
- Công ty Cổ Phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	Công ty con
- Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty con
- Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	Công ty con
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Công ty liên kết
- Cty CP BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	Công ty liên kết
- Công ty CP Tập Đoàn Đèo cả	Công ty mẹ
- Hồ Minh Hoàng	Cổ đông lớn
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Cổ đông lớn
- Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Cổ đông lớn
- Công ty CP ĐTTM Quốc tế Hà Thành	Cổ đông
- Công ty CP BOT Hưng Phát	Cổ đông lớn
- Cty CP tập đoàn Hải Thạch	Cổ đông

2 Giao dịch với các bên liên quan khác: (tiếp theo)

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
- Công ty cổ phần tư vấn xây dựng A2Z	Người có liên quan của ông Nguyễn Thanh Trang
- Công ty cổ phần an ninh Đèo Cả	Người có liên quan của ông Nguyễn Thanh Trang
- Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Hoàng Long	Người có liên quan của ông Nguyễn Quang Huy
- Công ty cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, Nguyễn Tấn Đông, Nguyễn Minh Giang
- Công ty TNHH đầu tư phát triển hạ tầng giao thông Việt Nam	Người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

- Công ty con

Tên Công ty	*Tỷ lệ lợi ích*	*Tỷ lệ quyền biểu quyết*	*Lợi nhuận sau thuế*	*Lợi nhuận chưa phân phối*
- Công ty Cổ Phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	65,58%	65,58%	2.408.365.612	(52.665.770.704)
- Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả	70,36%	70,36%	129.503.333.081	(409.721.075.087)
- Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	99,47%	99,47%	5.767.953.441	(16.216.452.620)

- Công ty liên doanh, liên kết

Tên Công ty	*Tỷ lệ lợi ích*	*Tỷ lệ quyền biểu quyết*	*Lợi nhuận sau thuế*	*Lợi nhuận chưa phân phối*
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	21,95%	21,95%	130.499.027	8.120.210.846
- Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	47,04%	50,00%	105.591.456.198	143.686.910.683
- Cty CP BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	29,25%	29,25%	1.797.419.086	1.804.330.649

Trong kỳ, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Giá trị giao dịch (VND)*
+ Công ty CP Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty liên kết	- Thuê thiết bị, VP	113.636.363
		- Doanh thu dầu	33.843.264
		- Nước uống đóng chai	24.359.090
+ Công ty CP Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Công ty liên kết	- Doanh thu hoạt động duy tu bảo dưỡng hầm, đường	5.088.431.818
		- Doanh thu vận hành trạm thu phí	8.107.520.814
+ Cty CP BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị	Công ty liên kết	- Đầu tư dài hạn	30.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Giá trị giao dịch (VND)*
+ Công ty CP Tập đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Doanh thu hoạt động xây lắp	24.859.944.667
		Doanh thu nước uống đóng chai	42.685.452
		Doanh thu cho thuê thiết bị, phương tiện	154.545.453
		Doanh thu bán nhiên liệu	514.622.364
		Chi phí vé máy bay, công nghệ thông tin	11.534.609.066
		Chi phí mua công cụ dụng cụ, tài sản	558.936.253
		Chi phí mua vật tư thi công	4.756.706.259
		Chi phí mua đồng phục	1.304.174.025
		Chi phí vận hành trạm thu phí	6.467.378.826
		Chi phí đào tạo thạc sĩ	180.000.000
		Cho Công ty Vay tiền	280.131.895.603
		Tiền lãi vay	13.872.460.460
+ Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Cổ đông lớn	- Cho Công ty vay tiền	202.000.000.000
		- Tiền lãi vay	5.946.849.315
		- Nhận trả nợ góp vốn	203.750.000.000
		- Tăng cổ phần bằng hoán đổi nợ	403.750.000.000
+ Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Cổ đông lớn	- Cho Công ty vay tiền	92.000.000.000
		- Tiền lãi vay	4.310.035.388
+ Công ty CP ĐT TM Quốc tế Hà Thành	Cổ đông	Thanh toán tiền chuyển nhượng cổ phần	49.083.120.000
		Nhận tạm ứng cổ tức	907.418.949
+ Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát	Cổ đông lớn	Nhận tạm ứng cổ tức	1.365.463.958

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:(tiếp theo)

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Giá trị giao dịch (VND)*
+ Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng A2Z	Người có liên quan của ông Nguyễn Thanh Trang	Doanh thu cho thuê xe	1.190.909.107
		Doanh thu kinh doanh bất động sản	2.386.866.365
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.208.527.000
		Tiền lãi	102.410.959
+ Công ty cổ phần An ninh Đèo Cả	Người có liên quan của ông Nguyễn Thanh Trang	Chi phí dịch vụ bảo vệ	28.255.503.500
+ Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Hoàng Long	Người có liên quan của ông Nguyễn Quang Huy	Doanh thu thuê xe	109.090.911
		Doanh thu cho thuê văn phòng	207.272.728
		Chi phí thí nghiệm công trình	1.236.788.848
		Dịch vụ tư vấn	3.501.679.747
+ Công ty cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, Nguyễn Tấn Đông, Nguyễn Minh Giang	Doanh thu thuê xe	354.545.455
		Thu tiền thuê xe	210.000.000

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
- Các khoản phải thu khách hàng bên liên quan:				
+ Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng ICV Việt	Công ty liên kết	Phải thu	1.324.856.876	1.085.834.286
+ Công ty cổ phần đầu tư BOT Đèo cả Khánh Hòa	Công ty liên kết	Phải thu duy tu	1.367.286.600	(267.496.000)
		Phải thu vận hành trạm thu phí	990.919.211	
		Tổng cộng	**2.358.205.811**	**(267.496.000)**
+ Công ty cổ phần Tập đoàn Đèo cả	Công ty mẹ	Ứng trước công trình	(110.633.072.489)	(148.949.904)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
- Các khoản phải thu khách hàng bên liên quan:(tiếp theo)				
+ Công ty cổ phần tư vấn xây dựng A2Z	Người có liên quan của ông Nguyễn Thanh Trang	Phải thu cho thuê xe		373.204.252
		Phải thu cho thuê nhà	287.557.252	478.800.000
		Phải thu cung cấp dịch vụ	2.506.939.600	1.177.559.900
		Tổng cộng	**2.794.496.852**	**2.029.564.152**
+ Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Hoàng Long	Người có liên quan của ông Nguyễn Quang Huy	Phải thu thuê xe	120.000.000	
		Phải thu cho thuê văn phòng	228.000.000	1.329.954.199
		Tổng cộng	**348.000.000**	**1.329.954.199**
+ Công ty cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, Nguyễn Tấn Đông, Nguyễn Minh Giang	Phải thu thuê xe	180.000.000	
- Các khoản phải thu khác bên liên quan:				
+ Công ty cổ phần Tập đoàn Đèo cả	Công ty mẹ	Đặt cọc tiền vé máy bay	100.000.000	100.000.000
+ Công ty cổ phần đầu tư thương mại Quốc tế Hà Thành	Cổ đông	Phải thu từ chuyển nhượng cổ phần		49.083.120.000
		Tạm ứng cổ tức	33.952.042.939	33.044.623.990
		Tổng cộng	**33.952.042.939**	**82.127.743.990**
+ Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát	Cổ đông lớn	Tạm ứng cổ tức	50.924.984.504	49.559.520.546
+ Công ty TNHH đầu tư phát triển hạ tầng giao thông Việt Nam	Người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng	Phải thu khác	24.325.400.000	24.325.400.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
- Các khoản phải trả bên liên quan:				
+ Công ty cổ phần đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty liên kết	Phải trả	20.713.793.022	5.603.916.143
+ Công ty cổ phần Tập đoàn Đèo cả	Công ty mẹ	Vé máy bay, CNTT	24.764.419.702	14.676.740.387
		Đồng phục	1.304.174.025	
		Phải thu hoạt động xây lắp	479.517.742.627	146.781.588.258
		Chi phí vận hành trạm thu phí	22.680.531.327	8.315.000.975
		Phải trả mua công cụ dụng cụ, tài sản, vật tư	5.315.642.512	
		Tổng cộng	**507.513.916.466**	**155.096.589.233**
+ Công ty cổ phần An ninh Đèo Cả	Người có liên quan của ông Nguyễn Thanh Trang	Phải trả cung cấp dịch vụ	15.706.059.300	6.674.819.800
+ Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Hoàng Long	Người có liên quan của ông Nguyễn Quang Huy	Phải trả dịch vụ tư vấn	**22.966.302.717**	
		Tổng cộng	**22.966.302.717**	
+ Công ty cổ phần tư vấn xây dựng A2Z	Người có liên quan của ông Nguyễn Thanh Trang	Phải trả dịch vụ	27.704.014.102	38.429.652.304
+ Công ty cổ phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Cổ đông lớn	Phải trả đặt cọc góp vốn		203.750.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn:				
+ Công ty cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Cho Công ty vay tiền	178.631.895.603	237.800.000.000
+ Công ty cổ phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Cổ đông lớn	Cho Công ty vay tiền	2.000.000.000	
+ Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng miền Bắc	Cổ đông lớn	Cho Công ty vay tiền	92.000.000.000	
+ Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng A2Z	Người có liên quan của ông Nguyễn Thanh Trang	Cho Công ty vay tiền	2.000.000.000	2.000.000.000
+ Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát	Cổ đông lớn	Cho Công ty vay tiền	2.600.000.000	2.600.000.000

***Ghi chú** : Các giao dịch với bên liên quan đã thực hiện đúng theo quy định tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng với Công ty đại chúng và quy định pháp lý có liên quan*